

PHẬT THUYẾT HUYỄN SỸ NHÂN HIỀN KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 324

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Liên Hương (12-2006)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 324 《佛說幻士仁賢經》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 324 《Phật thuyết huyền sĩ nhân hiền Kinh》

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 324 《Phật nói dối giả sĩ nhân hiền Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.12 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/20

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.12 (UTF-8) phổ cập bản ,
hoàn thành nhật kỳ : 2004/11/20

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.12 (UTF-8) khắp cùng bản
, hoàn thành ngày : 2004/11/20

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển
hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển
hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung , Duy-Tập-An Đại
Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn , Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung , Duy-Tập-An Đại-
Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn , Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】
(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông , tương
tể nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu
liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông , rõ
ràng nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp
hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】
(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====
==
=====
==
=====
==

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 324 佛說幻士仁賢經

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 324 Phật thuyết huyền sĩ nhân hiền Kinh
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 324 Phật nói đối giả sĩ nhân hiền Kinh

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.12 (UTF-8) Normalized Version,
Release Date: 2004/11/20

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.12 (UTF-8) Normalized Version,
Release Date: 2004/11/20

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.12 (UTF-8) Normalized Version,
Release Date: 2004/11/20

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-
Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as
provided by Anonymous, USA

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-
Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as
provided by Anonymous, USA

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-
Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as
provided by Anonymous, USA

Distributed free of charge. For details please read at
http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

Distributed free of charge. For details please read at
http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

Distributed free of charge. For details please read at
http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

=====
==
=====
==
=====
==

No. 324 [No. 310 (21)]

佛說幻士仁賢經

Phật thuyết huyền sĩ nhân hiền Kinh

Phật Thuyết Kinh Huyền sĩ Nhân Hiền

西晉月氏國三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị quốc Tam Tạng trúc Pháp hộ dịch

Đời Tây Tấn, nước Nguyệt Thị, ngài Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

聞如是。一時佛在王舍城靈鳥山。

văn như thị. nhất thời Phật tại Vương xá thành linh điều sơn。

Nghe như vậy, một thời Phật ở núi Linh Điều, thành Vương xá

與大比丘眾千二百五十菩薩五千俱。皆神通菩薩。

dữ Đại bi khâu chúng thiên nhị bách ngũ thập Bồ-tát ngũ thiên câu. giai
Thần thông Bồ-tát。

cùng với đại chúng, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo, năm ngàn Bồ-
tát câu hội đầy đủ. Những vị đó đều có thần thông。

一切大聖悉得總持辯才無礙。

nhất thiết Đại Thánh tất đặc tổng trì biện tài vô ngại.

Tất cả các vị Đại Thánh đều đặc được pháp Tổng trì, biện tài vô ngại.

其名曰師子菩薩。師子意菩薩。誠樂菩薩。道御菩薩。

kỳ danh viết Su tử Bồ-tát。Su tử ý Bồ-tát。thành lạc Bồ-tát。đạo ngự Bồ-tát。

Những vị đó là: Su tử Bồ-tát, Su Tử Ý Bồ-tát, Thành Lạc Bồ-tát, Đạo Ngự Bồ-tát,

大御菩薩。光首菩薩。光淨菩薩。寂意菩薩。

Đại ngự Bồ-tát。quang thủ Bồ-tát。Quang tịnh Bồ-tát。tịch ý Bồ-tát。

Đại Ngự Bồ-tát, Quang Thủ Bồ-tát, Quang Tịnh Bồ-tát, Tịch Ý Bồ-tát,

人明菩薩。開化人菩薩。常應菩薩。慈氏菩薩。

nhân minh Bồ-tát。khai hóa nhân Bồ-tát。thường ứng Bồ-tát。từ thị Bồ-tát。

Nhân Minh Bồ-tát, Khai Hoá Bồ-tát, Thường Ứng Bồ-tát, Từ Thị Bồ-tát, 文殊師利六十賢者。一切五千菩薩。

Văn Thù Sư Lợi lục thập hiền giả。nhất thiết ngũ thiên Bồ-tát。

Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát và sáu mươi Hiền giả, tất cả năm ngàn Bồ-tát,

皆此上首者也。梵王帝釋。四王諸天。龍王神無央數。

giai thủ thượng thủ giả dã。Phạm Vương đế thích。tứ Vương chu

Thiên。long Vương Thần vô ương số。

những vị này, đều là những bậc đứng đầu, Phạm Vương Đế thích, Tứ Thiên

Vương, Chu Thiên, Thần Long Vương nhiều vô số kể。

于時國王大臣長者居士群臣僚屬。

vu thời Quốc Vương Đại Thần Trưởng-Già Cư-sĩ quần Thần liêu chúc Lúc

bấy giờ, Quốc Vương, Đại Thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Quần thần Quyển

thuộc,

Lúc ấy, Quốc Vương, các vị Đại Thần, Trưởng giả, Cư sĩ, tôi tớ và quyển thuộc

供奉世尊衣被飲食醫藥床臥之具。

cung phụng Thế Tôn y bị âm thực y dược sàng ngọa chi cụ。

cúng dường lên đức Thế Tôn đầy đủ bốn món: y phục, đồ ăn uống, thuốc men, giường nằm。

世尊名稱普聞遠至。

Thế Tôn danh xưng phổ văn viễn chí。

Danh tiếng của đức Thế Tôn bay xa khắp mọi nơi。

是為如來至真等正覺明行成為善逝世間解無上士道法御天人師佛世尊。

thị vi Như Lai chí chân đẳng chánh Giác minh hành thành vi thiện thệ

thế gian giải Vô-thượng-Sĩ đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn。

Đó là bậc Như Lai, Chí chơn, Chánh giác, Minh hạnh, Thành vi, Thiện

thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Đạo pháp ngự, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn。

諸神通慧普見所觀無餘。

chư Thần thông tuệ phổ kiến sở đồ vô dư。

Những thần thông, trí tuệ đó thấy khắp tất cả vạn loại chúng sanh。

如來十力四無所畏十八法不共。不捨大慈不廢大哀。

Như Lai thập lực tứ vô sở úy thập bát Pháp bất-cộng。bất xả Đại từ bất phế Đại ai。

Như Lai có đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, lòng từ bi rộng lớn, không còn bi ai。

慧眼佛眼具足變化無極。神足變化。說本變化。

tuệ nhãn Phật nhãn cụ túc biến hoá vô cực. Thần túc biến hoá. thuyết bản biến hoá.

Tuệ nhãn của Phật biến hoá vô cùng, thần túc vô biên, nói đó là nền tảng của sự biến hoá,

教授變化得無極。發意之頃。

giáo thọ biến hoá đắc vô cực. phát ý chi khoảnh.

chỉ dạy, giáo hoá chúng sanh vô tận, trong khoảnh khắc ý phát ra

能使三千大千世界州城河海。須彌眾山龍神天宮。鐵圍山川。

năng sử Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới châu thành hà hải. Tu-Di chúng sơn long Thần Thiên cung. thiết vi sơn xuyên.

có thể khiến cho ba ngàn Đại Thiên Thế Giới như: sông, ngòi, ao, biển, núi Tu-di, Long thân, Thiên cung, Địa ngục, núi Thiết Vi,

溝坑樹木。國邑墟聚。在一毛孔。

câu khanh thụ mộc. quốc ấp khu tụ. tại nhất mao khổng.

rạch ngòi, cây cối, xóm làng, gò đất, đều tụ về ở trong một lỗ chơn lông,

從劫復過一劫。是時王舍大城中。

tòng kiếp phục quá nhất kiếp. thị thời Vương xá Đại thành trung.

từ kiếp này qua kiếp khác. Lúc ấy trong thành Vương xá

有一幻士名曰颯陀(晉言仁賢)。明經解術曉了幻伎。

hữu nhất huyễn sĩ danh viết bạt đà(tán ngôn nhân hiền). minh Kinh giải thuật hiểu liễu huyễn kỹ.

có một Huyễn sĩ tên là Bạt Đà (đời Tấn gọi là Nhân Hiền) thông kinh, hiểu pháp, điều luyện ảo thuật.

所作巧黠多所喜悅。所興如意名聞于遠。

sở tác xảo hiệt đa sở hỷ duyệt. sở hưng như ý danh văn vu viễn.

Những trò ảo thuật đó khiến cho nhiều người vui lòng, vì thế danh tiếng đồn xa.

其摩竭國諸餘幻者皆所不及。所至到處最上第一。

kỳ ma kiệt quốc chư dư huyễn giả giai sở bất cập. sở chí đáo xử tối thượng đệ nhất.

Các nhà ảo thuật của nước Ma Kiệt Đà lúc đó không ai sánh kịp, đạt đến chỗ đệ nhất tối thượng.

除諸見諦清淨士女得法忍者。一切人民莫不傾側。

trừ chư kiến đế thanh tịnh sĩ nữ đắc Pháp nhẫn giả. nhất thiết nhân dân mạc bất khuynh trắc.

Trừ các vị nam nữ tu hành thanh tịnh đắc được pháp nhẫn còn tất cả nhân dân không có ai là không bị thuyết phục.

如所言者無不迷惑。隨未會有法。

như sở ngôn giả vô bất mê hoặc. tùy vị tăng hữu Pháp.

Lời nói của ông mê hoặc, trước nay chưa từng có.

而以此幻邪行之術。得眾利養。幻士仁賢。

nhĩ dĩ thử huyễn tà hành chi thuật. đắc chúng lợi dưỡng. huyễn sĩ nhân hiền.

Nhưng các trò ảo thuật này thuộc về tà pháp, mục đích để được những lợi dưỡng. Huyễn sĩ Nhân Hiền

聞佛世尊名稱普徧如來至真等正覺。聞已自念。

văn Phật Thế Tôn danh xưng phổ huy Như Lai chí chân đẳng chánh
giác. văn dĩ tự niệm,
nghe danh tiếng của đức Thế Tôn, Như Lai, Chánh đẳng, Chánh giác, nghe
xong tự nghĩ rằng,
我身轉化摩竭人民及諸州城。莫不受教。
Ngã thân chuyển hóa ma kiệt nhân dân cập chư châu thành. mạc bất thọ
giáo. còn thọ giáo lời ta.
thân Ta chuyển hoá khắp người dân Ma Kiệt Đà và các nước xung quanh,
tất cả không ai là không thọ giáo.
唯未化沙門瞿曇。亦未曾試及諸弟子。
duy vị hóa Sa-môn Cồ Đàm. diệc vị tăng thí cập chư đệ-tử.
Chỉ riêng Sa-môn Cù Đàm ta chưa chuyển hoá và cũng chưa từng thử các đệ
tử của ông ta.
我寧可試知可惑不。假能惑者。
ngã ninh khả thí tri khả hoặc bất. giả năng hoặc giả. Ta há có thể thử cho
biết, có thể mê hoặc được không? Giả sử có mê hoặc được,
Ta có thể thử cho biết xem có mê hoặc được không? Giả như có thể mê
hoặc được,
摩竭人民皆共同心來供事我。於是仁賢。緣本功德承佛威神。
ma kiệt nhân dân giai cộng đồng tâm lai cung sự ngã. u thị nhân
hiền. duyên bản công đức thừa Phật uy Thần.
thời dân chúng nước Ma Kiệt sẽ cùng một lòng kéo đến cúng dường cho ta.
Lúc đó, Nhân Hiền mới nương theo công đức, thừa oai thần của Phật,
出王舍城至靈鳥山。見佛世尊。
xuất Vương xá thành chí linh điều sơn. kiến Phật Thế Tôn.
ra khỏi thành Vương xá đến núi Linh Điều, thấy đức Thế Tôn
光踰日月百千億倍。明淨無垢光炎遠照。
quang du nhật nguyệt bách thiên ức bội. minh tịnh vô cấu quang viêm
viễn chiếu.
ánh sáng chiếu xa gấp trăm ngàn ức lần mặt trời mặt trăng, sáng suốt,
trong sạch không có như bản.
髻相之耀灼若摩尼。曄如蓮華清淨。
kế tướng chi diệu chước nhược Ma ni. diệp như liên hoa thanh tịnh.
Ở trên nhục kế phóng ra ánh sáng tựa như ngọc Ma ni, sáng toả như hoa
sen thanh tịnh,
超梵八部音說法廣度。見佛色身具足嚴妙。
siêu phạm bát bộ âm thuyết Pháp quảng độ. kiến Phật sắc thân cụ túc
nghiêm diệu.
âm thanh rõ đến tám bộ, thuyết pháp độ chúng sanh. Nhân Hiền thấy sắc
thân của Phật đầy đủ trang nghiêm vi diệu,
意甚踊躍心自念言。我欲試佛諸通之慧審普見不。
ý thậm dũng dục tâm tự niệm ngôn. ngã dục thí Phật chu thông chi tuệ
thâm phổ kiến bất.
trong lòng nảy ra ý định tự suy nghĩ rằng, ta muốn thử thần thông trí
tuệ của Phật có thấy khắp chăng?
便行趣佛。稽首作禮。用試佛故。緣此請佛。
tiện hành thú Phật. kê thủ tác lễ. dụng thí Phật cố. duyên thử thỉnh
Phật.

Liên đi đến chỗ Phật, cúi đầu kính lễ, dùng pháp thuật để thử Phật, nương nơi chỗ này mà thỉnh Phật.

設知我意當不受請。若不知者必受無疑。

thiết tri ngã ý đương bất thọ thỉnh. nhược bất tri giả tất thọ vô nghi. Nếu Phật biết được ý của ta chắc Phật sẽ không nhận lời mời, nhược bằng không biết chắc Phật sẽ nhận lời mà không nghi ngờ.

佛知其意。愍傷仁賢及王舍城一切人民。

Phật tri kỳ ý. mẫn thương nhân hiền cập Vương xá thành nhất thiết nhân dân.

Phật biết được ý của ông ta, thương xót cho vị Nhân Hiền và tất cả dân chúng trong thành Vương xá,

欲度之故默然受請并比丘眾。時仁賢念。

dục độ chi cố mặc nhiên thọ thỉnh tinh bi khâu chúng. thời nhân hiền niệm.

muốn độ họ cho nên phải im lặng cùng các Tỷ-kheo nhận lời thỉnh mời.

Lúc đó, vị Huyền sĩ Nhân Hiền mới suy nghĩ rằng,

沙門瞿曇。無諸通慧亦不普見。

Sa-môn Cồ Đàm. vô chư thông tuệ diệc bất phổ kiến.

Sa-môn Cù Đàm, không có thần thông, trí tuệ chẳng thấy khắp tất cả.

以不見故今當曉試。是時仁賢。稽首作禮繞佛三匝而退。

dĩ bất kiến cố kim đương hiểu thí. thị thời nhân hiền. kê thủ tác lễ nhiều Phật tam tạp nhi thối.

Vì ông ta không thấy được nên ta phải thử cho biết. Lúc đó, Huyền sĩ Nhân Hiền cúi đầu kính lễ đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra.

賢者大目捷連白佛言。幻士仁賢內懷誑詐。

hiền giả Đại Mục-kiền-liên bạch Phật ngôn. huyền sĩ nhân hiền nội hoài cuồng trá.

Lúc đó, Hiền giả Mục-kiền-liên mới bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, trong lòng của vị Huyền sĩ Nhân Hiền chứa chấp sự gian trá.

請佛及僧云何受之。佛告目連。汝且安默。

thỉnh Phật cập Tăng vân hà thọ chi. Phật cáo mục liên. nhữ thả an mặc.

Tại sao đức Phật và chư Tăng lại nhận lời mời của ông ta. Phật mới dạy Mục-kiền-liên rằng: Người phải im lặng,

如來深究一切群民長夜迷惑。

Như Lai thâm cứu nhất thiết quần dân trường dạ mê hoặc.

Như Lai suy nghĩ kỹ rồi, tất cả chúng sanh đều bị vô minh che lấp sống trong đêm dài tăm tối.

因化立之以平等行。天上世間無能施穢欺惑佛者。

nhân hóa lập chi dĩ bình đẳng hành. Thiên thượng thế gian vô năng thí uế khi hoặc Phật giả.

Vì Như Lai muốn giáo hoá, đem hạnh bình đẳng để độ họ. Trên từ cõi trời cho đến nhân gian không thể đem sự ô uế giả dối để mê hoặc được Phật vậy.

如來以斷婬怒癡亂。無餘瑕垢滅諸縛著。

Như Lai dĩ đoạn dâm nộ si loạn. vô dư hà cấu diệt chư phược trứ.

Như Lai vì đoạn trừ sân hận, nghi ngờ, mê loạn, cấu uế, đấm trước trói buộc,

離八十垢得不起法忍。以故三界無能惑者。

ly bát thập cầu đắc bất khởi Pháp nhãn. dĩ cố tam giới vô năng hoặc giả.

xa lìa tám mươi cầu uế mà đắc được pháp Nhãn. Vì thế mà ba cõi không thể mê hoặc được,

一小幻士何所能諧。如來解暢一切法幻。

nhất tiểu huyễn sĩ hà sở năng hài. Như Lai giải sướng nhất thiết Pháp huyễn.

huống gì một Huyễn sĩ làm sao có thể lừa dối Ta được. Như Lai hiểu rõ tất cả các huyễn pháp.

自致最正覺。使諸人界及其本原。皆使巧妙幻過。

tự trí tối chánh giác. sử chư nhân giới cập kỳ bản nguyên. giai sử xảo diệu huyễn quá.

Tự mình đã giác ngộ và cũng muốn cho mọi người cùng được giác ngộ như mình, nên đều đã vượt qua tất cả những thiện xảo của thế gian.

仁賢終不能與佛幻術等。

nhân hiền chung bất năng dĩ Phật huyễn thuật đẳng.

Nhân Hiền cuối cùng không thể dùng trò ảo thuật để lừa dối Phật,

百倍千倍無數億倍。不可假託以為比喻。

bách bội thiên bội vô số ức bội. bất khả giả thác dĩ vi bì dụ.

dầu có gấp trăm lần, ngàn lần, ức lần, vô số lần, cũng không thể giả dối lấy đó làm thí dụ được.

佛告目連。於意云何。幻士仁賢。

Phật cáo mục liên. ư ý vân hà. huyễn sĩ nhân hiền.

Phật bảo Mục-kiền-liên: Ý ông nghĩ sao? Về vị Huyễn sĩ Nhân Hiền ấy,寧能莊嚴化三千大千世界令淨好不。對曰唯然。

ninh năng trang nghiêm hóa Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới lệnh tịnh hảo bất. đối viết duy nhiên.

có thể trang nghiêm, biến hoá làm cho Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới thanh tịnh đẹp để không? Mục-kiền-liên mới thưa rằng:

此幻不能。佛言。如來發意之頃。

thử huyễn bất năng. Phật ngôn. Như Lai phát ý chỉ khoảnh.

Bạch đức Thế Tôn, các pháp huyễn hoá này thì không thể biến hoá được. Phật mới nói với Mục-kiền-liên rằng: Ý của Như Lai chỉ phát ra trong khoảnh khắc

能使三千大千世界嚴淨入一毛孔。佛之幻術終不惑。

năng sử Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới nghiêm tịnh nhập nhất mao

khổng. Phật chỉ huyễn thuật chung bất hoặc.

có thể khiến cho Tam Thiên Thế Giới trang nghiêm, thanh tịnh vào trong một lỗ chân lông. Những trò ảo thuật của Phật cuối cùng cũng không thể mê hoặc được chúng sanh.

正使十方佛國。有風名隨嵐及斷截風。

chánh sử thập phương Phật quốc. hữu phong danh tùy lam cập đoạn tiệt phong.

Như ở mười phương cõi Phật, có gió tên là Tùy Lam và gió Đoạn Tiệt.

飄壞三千大千世界。還復如故。

phiêu hoại Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. hoàn phục như cố.

Ngọn gió đó mỗi khi thổi thì làm hoại cả Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới rồi trở lại như thế.

有風名追逐風住止風。旋轉世間。有風名曰波栗屠那。

hữu phong danh truy trực phong trụ chỉ phong. toàn chuyển thể gian. hữu phong danh viết ba lật đồ na.

Có ngọn gió tên là Truy Trụ và gió Trú Chỉ làm xoay chuyển thể giới. Có ngọn gió tên là Ba-Lật-Đồ-Na,

迴行三十二天。有風名曰摧破崩壞須彌。

hồi hành tam thập nhị Thiên. hữu phong danh viết tời phá băng hoại Tu-Di.

đi qua ba mươi hai cõi trời. Có một ngọn gió tên là Tời Phá có thể làm băng hoại núi Tu-Di.

有風名曰拘那。起大火上至三十二天。

hữu phong danh viết 拘 na. khởi Đại hỏa thượng chí tam thập nhị Thiên. Có ngọn gió tên là Câu-Na thổi ra lửa lớn đến ba mươi hai cõi trời.

有風名曰常來。起劫燒天地。有風名曰熾火。

hữu phong danh viết thường lai. khởi kiếp thiêu Thiên địa. hữu phong danh viết sí hỏa.

Có ngọn gió tên là Thường Lai thổi thiêu rụi trời đất. Có ngọn gió tên là Sí Hoả

使三千大千世界一時俱然。有風名曰澆灑。

sử Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới nhất thời câu nhiên. hữu phong danh viết kiêu sái.

thổi ra khiến cho Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới một lúc đều bị thiêu rụi. Có ngọn gió tên là Kiêu Sái

起大雨。有風名曰枯竭。除盡水災之變。

khởi Đại vũ. hữu phong danh viết khô kiệt. trừ tận thủy tai chi biến. thổi ra mưa lớn. Có ngọn gió tên là Khô Kiệt, trừ hết biến cố của thủy tai.

佛告目連。今我粗說是諸風名。

Phật cáo mục liên. kim ngã thô thuyết thị chư phong danh.

Phật bảo Mục-kiền-liên, nay ta nói tướng thô bên ngoài tên của các ngọn gió,

從劫過劫無有竟時。云何目連。寧有人能止虛空。

tòng kiếp quá kiếp vô hữu cánh thời. vân hà mục liên. ninh hữu nhân năng chỉ hư không.

từ kiếp này, qua kiếp khác cũng không lúc nào hết được. Thế nào Mục-kiền-liên? Dầu có người đứng giữa hư không,

坐諸風之中作四器行。使此諸風入一芥子。

tọa chư phong chi trung tác tứ khí hành. sử thử chư phong nhập nhất giới tử.

ngồi trong các ngọn gió, làm ra bốn món đồ dùng mà đi, khiến cho các ngọn gió vào trong một hột cải.

其於芥子無所罣礙亦無毀害。

kỳ ư giới tử vô sở quái ngại diệc vô hủy hại.

Ở trong hột cải này, không có chỗ nào bị ngăn ngại, không có chỗ nào bị huỷ hoại.

令諸天人安隱娛樂而不驚怖。如來幻法而復過是無有極也。

lệnh chư Thiên nhân an ổn ngu lạc nhi bất kinh phở. Như Lai huyền Pháp nhi phục quá thị vô hữu cực dã.

Khiến cho chư Thiên, loài người an ổn vui vẻ mà không lo sợ. Các huyện pháp của Như Lai vượt qua tất cả không có chỗ dừng vậy.

非弟子緣一覺地之所能及。

phi đệ-tử duyên nhất giác địa chi sở năng cập。

Chẳng phải đệ tử Ta duyên nơi chỗ hiểu biết này mới có thể sánh kịp sao?

於時目連在眾會前。稽首作禮白佛言。唯然世尊。

ư thời mục liên tại chúng hội tiền. kê thủ tác lễ bạch Phật ngôn. duy nhiên Thế Tôn。

Lúc đó, Mục-kiền-liên ở trước hội chúng, cúi đầu đánh lễ mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn,

我等為得善利。所以者何。

ngã đẳng vi đắc thiện lợi. sở dĩ giả hà。

chúng con đắc pháp lành. Tại sao như vậy?

世尊威神巍巍如是大尊無極。其人民聞佛如來此變化者。

Thế Tôn uy Thần nguy nguy như thị Đại tôn vô cực. kỳ nhân dân văn Phật Như Lai thủ biến hoá giả。

Oai thần của đức Thế Tôn cao vời vợi, tôn quý như vậy. Nhân dân của nước đó nghe đức Như Lai biến hoá những pháp này,

歡喜踊躍逮得善利。便發無上正真道意。

hoan hỷ dũng dược đắc đắc thiện lợi. tiện phát vô thượng chánh chân đạo ý。

họ vô cùng hoan hỷ đi đến chỗ đức Phật để được pháp lành, liền phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác。

一時欣然功德無量。於是幻士仁賢。入王舍城還歸到家。

nhất thời hân nhiên công đức vô lượng. ư thị huyền sĩ nhân hiền. nhập Vương xá thành hoàn quy đáo gia。

Lúc bấy giờ, họ vui mừng công đức vô lượng. Khi vị Huyền sĩ Nhân Hiền đi vào thành Vương xá trở về nhà,

即其日夜。於城內穢惡流聚最不淨處。

tức kỳ nhật dạ. ư thành nội uế ác lưu tụ tối bất tịnh xứ。

tức thời ngày đêm ở trong thành, nơi các chỗ bất tịnh, ô uế, nhơ bẩn, hóa ở trong đó làm giảng đường.懸繪華蓋而起幢幡。

hóa ư kỳ trung tác Đại giảng đường. huyền Tăng hoa cái nhi khởi tràng phiên。

hoá hiện ở trong đó một đại giảng đường. Trong đại giảng đường đó, treo các thứ lụa, lọng, tràng phan,

現地平正樹木茂盛。錠瓶罌珍器香爐鐙。

hiện địa bình chánh thụ mộc mậu thịnh. đĩnh bình oanh trần khí hương lô đẳng đĩnh。

đất đai bằng phẳng, cây cối thẳng tắp, tốt tươi, có các loại đồ dùng quý báu như: đĩnh, bình, lọ, chuông và lò hương。

散眾華香。於講堂傍殖八千寶樹。

tán chúng hoa hương. ư giảng đường bàng thực bát thiên bảo thụ。

Các thứ hương hoa rải ra khắp nơi. Bên đại giảng đường trồng tám ngàn cây báu,

枝葉華實眾色翻覆。一一樹下為諸比丘敷師子座。

chi diệp hoa thật chúng sắc phấn phức. nhất nhất thụ hạ vi chu bi khâu phu Su tử tọa.

cành lá, hoa quả, các thứ báu, màu sắc, hương vị thơm phức. Mỗi mỗi dưới cây đều có toà Su tử cho các Tỷ-kheo ngồi.

於講堂中央。特為如來設師子座。

ư giảng đường trung ương. đặc vi Như Lai thiết Su tử tọa.

Ở chính giữa giảng đường, đặt biệt thiết trí toà Su tử của Như Lai, 眾寶為足按飾無量。高四丈九尺。

chúng bảo vi túc hiệu sức vô lượng. cao tứ trượng cửu xích.

các vật báu trang sức đầy đủ không thiếu những gì, cao bốn trượng chín thước.

於座四面化四寶樹。作百味之饌若干種食。

ư tọa tứ diện hóa tứ bảo thụ. tác bách vị chi soạn nhục can chủng thực。

Ở bốn bên chỗ ngồi hoá ra bốn cây báu, trăm món thức ăn thịnh soạn.

其為供者合五百人。端正皎潔寶瓔珞身。

kỳ vi cung giả hợp ngũ bách nhân. đoan chánh kiêu khiết bảo anh lạc thân。

Cúng dường tất cả năm trăm người, đoan chánh, trong sạch, anh lạc quý báu để trang nghiêm thân.

幻士仁賢化作是已。時四天王。往詣幻士所化作講堂。

huyễn sĩ nhân hiền hóa tác thị dĩ. thời tứ Thiên Vương. vãng nghệ huyễn sĩ sở hóa tác giảng đường。

Huyễn sĩ Nhân Hiền hoá hiện xong rồi. Lúc đó, Tứ Thiên Vương đi đến chỗ Huyền sĩ Nhân Hiền hoá làm một giảng đường

謂仁賢言。甚善仁者。乃請如來。

vị nhân hiền ngôn. thậm thiện nhân giả. nãi thỉnh Như Lai。

rồi nói với Nhân Hiền rằng: Nhân giả rất khéo léo mới thỉnh được đức Như Lai.

於此講堂而供養佛。寧可聽我次助所乏。

ư thử giảng đường nhi cung dưỡng Phật. ninh khả thỉnh ngã thứ trợ sở pháp。

Ở nơi giảng đường này mà cúng dường đức Phật thì ta sẽ trợ giúp các sự thiếu thốn,

欲造宮室以奉如來。於是仁賢。益用踊躍得未曾有。

dục tạo cung thất dĩ phụng Như Lai. ư thị nhân hiền. ích dụng dũng được đắc vị tăng hữu。

muốn tạo nhà ở cung điện để cúng dường Như Lai. Vì vậy vị Nhân Hiền ấy đắc được lợi ích chưa từng có.

報聽天王宜知是時。

báo thỉnh Thiên Vương nghi tri thị thời。

Lúc đó, mới báo cho vị Thiên Vương nghe để biết.

四天王即化作立宮室極妙殊好。仁賢所建厭蔽不現。時天帝釋。

tứ Thiên Vương tức hóa tác lập cung thất cực diệu xu hảo. nhân hiền sở kiến yếm tế bất hiện. thời Thiên đế thích。

Tứ Thiên Vương tức thì hoá làm một ngôi nhà rất đẹp để trang nghiêm.

Chỗ kiến lập của vị Nhân Hiền đầy đủ không có hoá hiện. Lúc đó trời Đế Thích

與三萬二千夫人。俱到幻士講堂。謂仁賢言。

dữ tam vạn nhị thiên phu nhân. câu đảo huyền sĩ giảng đường. vị nhân
hiền ngôn.

cùng với ba vạn hai ngàn phu nhân, đều đến giảng đường của vị Huyền sĩ,
nói với Nhân Hiền rằng:

善哉快乎。真得善利。

Thiện tai khoái hồ. chân đắc thiện lợi.

Lành thay! Vui sướng thay! Được lợi ích này,

乃請如來於化飾講堂以供養佛。寧可聽吾給助所乏。欲造宮殿以奉如來。

nãi thỉnh Như Lai u hóa sức giảng đường dĩ cung dưỡng Phật. ninh khả
thính ngô cấp trợ sở pháp. dục tạo cung điện dĩ phụng Như Lai.

bèn thỉnh ý đức Như Lai, hoá một giảng đường để cúng dường Phật. Ta có
thể cung cấp đầy đủ sự thiếu thốn cho Ngài. Ta muốn tạo dựng một cung
điện để thờ phụng Như Lai.

於是仁賢。倍復踴躍得未曾有。私自疑怪。

ư thị nhân hiền. bội phục dũng dục đắc vị tăng hữu. tư tự nghi quái.

Lúc đó, vị Nhân Hiền khởi tâm vui mừng chưa từng có, riêng tự mình
nghĩ ngờ có điều gì lạ,

報聽帝釋宜知是時。天帝即化作大殿館。

báo thỉnh đế thích nghi tri thị thời. Thiên đế tức hóa tác Đại điện
quán.

mới báo cho Đế Thích nghe để biết. Đế Thích liền hoá làm một ngôi điện
to lớn.

踰於忉利最勝之宮。化殖寶樹。

du u Đạo Lợi tối thắng chi cung. hóa thực bảo thụ.

Đi đến cung trời Đạo Lợi, hoá trồng một hàng cây báu,

超乎已質拘者之樹姝好。厭蔽仁賢四王所立。

siêu hồ dĩ chất câu giả chi thụ xu hảo. yếm tế nhân hiền tứ Vương sở
lập.

rất đẹp đẽ, tốt tươi, đủ chỗ cho bốn vị vua và Nhân Hiền đứng.

講堂宮室所校諸樹。仁賢則自念言。世尊非凡。

giảng đường cung thất sở giáo chư thụ. nhân hiền tắc tự niệm ngôn. Thế
Tôn phi phàm.

Cung điện, giảng đường đều có người canh giữ các loại cây. Vị Nhân Hiền
tức tự nghĩ rằng, Thế Tôn là bậc phi phàm

乃有如是神妙尊天及諸天子。興大供養奉事如來。

nãi hữu như thị Thần diệu tôn Thiên cập chư Thiên tử. hưng Đại cung
dưỡng phụng sự Như Lai.

mới có thần thông diệu dụng như vậy, nên được chư Thiên, Thiên tử tôn
kính, liền phát khởi tâm cúng dường phụng sự Như Lai.

今我寧可沒滅我之所建。大為迷謬。

kim ngã ninh khả một diệt ngã chi sở kiến. Đại vi mê mậu.

Nay ta thà không thể diệt mất chỗ kiến lập của ta, đó chẳng qua là mê
lầm.

豈忍以此舉向上尊乎。於是仁賢。

khởi nhẫn dĩ thử cử hướng thượng tôn hồ. ư thị nhân hiền.

Đâu nỡ vì hướng đến bậc tối cao này ư? Lúc đó vị Nhân Hiền

欲沒所幻而不能滅。遍作諸術亦不可滅。

dục một sở huyễn nhi bất năng diệt. biến tác chu thuật diệt bất khả diệt.

muốn diệt mất chỗ huyễn hoá mà không thể diệt mất được, biến ra các ảo thuật mà cũng không thể được.

幻食供助講堂嚴飾師子之座。永為真實而不可變。

huyễn thực cung trợ giảng đường nghiêm sức Su tử chi tọa. vĩnh vi chân thật nhi bất khả biến.

Muốn biến thức ăn, trang trí giảng đường, toà Su tử, nhưng vĩnh viễn cũng không thể biến được.

仁賢驚怪心自念言。往昔所言。幻現則現欲沒即沒。

nhân hiền kinh quái tâm tự niệm ngôn. vãng tích sở ngôn. huyễn hiện tắc hiện dục một túc một.

Nhân Hiền trong tâm lo sợ tự mình suy nghĩ rằng: Xưa kia, ta đã từng nói, muốn hiện huyễn thì hiện, muốn diệt huyễn thì diệt.

今為如來變作化供而不能改。

kim vi Như Lai biến tác hóa cung nhi bất năng cải.

Nay ta vì Như Lai biến hoá cúng dường mà chẳng làm được.

於是天帝知仁賢所念。便告言。如卿為佛化作嚴淨供具。

ư thị Thiên Đế tri nhân hiền sở niệm. tiện cáo ngôn. như khanh vi Phật hóa tác nghiêm tịnh cung cụ.

Thiên Đế biết được tâm niệm của vị Nhân Hiền liền nói rằng: Nếu người vì đức Phật mà hoá hiện giảng đường trang nghiêm, thanh tịnh cúng dường đầy đủ,

不能變復使如本。故其見如來發歡喜心。

bất năng biến phục sử như bản. cố kỳ kiến Như Lai phát hoan hỷ tâm. mà không thể biến hoá lại như lúc đầu, vì vậy thấy việc ấy mà đức Như Lai phát tâm hoan hỷ,

常得安隱至泥洹道。爾時仁賢踊悅怡懌。

thường đắc an ổn chí nê hoàn đạo. nhĩ thời nhân hiền dũng duyệt di dịch.

thường được yên ổn trụ nơi Niết Bàn. Lúc bấy giờ, Nhân Hiền liền sanh tâm vui mừng, hớn hở.

晨旦白佛。飯時已到願可自屈。於是世尊。

Thần đán bạch Phật. phạn thời dĩ đáo nguyện khả tự khuất. ư thị Thế Tôn.

Sáng sớm, lúc thọ thực xong liền thưa với đức Phật, đến xin đức Phật rút lui ý định của mình. Lúc đó, Thế Tôn

著衣持鉢。與諸菩薩及比丘僧眷屬圍繞。

trú y trì bát. dữ chư Bồ-tát cập bi khâu Tăng quyền chúc vây quanh. đắp y, mang bình bát cùng với các Bồ-tát và Tỷ-kheo Tăng quyền thuộc vây quanh đông đủ.

往詣仁賢莊校講堂。佛時變化。

vãng nghệ nhân hiền trang giáo giảng đường. Phật thời biến hoá.

Bèn đi đến giảng đường mà vị Nhân Hiền đang canh giữ. Lúc ấy, đức Phật biến hoá

使仁賢知坐所為立師子之座。

sử nhân hiền tri tọa sở vi lập Su tử chi tọa.

khiến cho vị Nhân Hiền biết toà Su tử mà đức Phật đã lập.

四天王亦見如來坐所造宮師子之座。帝釋自念。如來坐我所化莊嚴之座。

tứ Thiên Vương diệc kiến Như Lai tọa sở tạo cung Sư tử chi tọa. để thích tự niệm. Như Lai tọa ngã sở hóa trang nghiêm chi tọa. Tứ Thiên Vương cũng thấy chỗ ngồi của đức Như Lai đã tạo là toà Sư tử. Để Thích tự mình nghĩ rằng: Như Lai ngồi toà do ta biến hoá trang nghiêm.

時王舍城諸不信法眾邪異道。
thời Vương xá thành chư bất tín Pháp chúng tà dị đạo。
Lúc ấy, ở trong thành Vương xá, những người không tin các pháp tà đạo khác,
棄自貢高及瞋怒心。一切共詣莊嚴講堂。
khí tự cống cao cấp sân nộ tâm. nhất thiết cộng nghê trang nghiêm giảng đường。
tự mình dẹp bỏ tâm cống cao ngã mạn, sân giận, tất cả cùng trang nghiêm đi đến giảng đường。
今日共觀瞿曇所現感應。其邊道法清淨士女。
kim nhật cộng quán Cồ Đàm sở hiện cảm ứng. kỳ biên đạo Pháp thanh tịnh sĩ nữ。
Hôm nay tất cả mọi người thấy Sa-môn Cồ-Đàm liền sanh cảm phục, cùng với thiện nam, tín nữ ra đứng bên đường,
悉共喜踊往詣講堂。今日我等當見如來至真等正覺。
tất cộng hỉ dũng vãng nghê giảng đường. kim nhật ngã đẳng đương kiến Như Lai chí chân đẳng chánh giác。
đều cùng nhau khởi tâm hoan hỷ, đi đến chỗ đức Phật. Ngày nay, chúng ta mới thấy được bậc Như Lai, Chí chân, Đẳng Chánh giác,
聽師子吼觀其變化。於是仁賢。
thính Sư tử hống đồ kỳ biến hoá. ư thị nhân hiền。
được nghe tiếng rống của Sư tử và thấy sự biến hoá của Ngài. Lúc đó, Nhân Hiền
鑷除自大稽首佛足。白世尊言。唯願如來。
quyên trừ tự Đại kê thủ Phật túc. bạch Thế Tôn ngôn. duy nguyện Như Lai。
mới bỏ hết tâm tự cao, tự đại, cúi đầu lễ dưới chân Phật và bạch đức Thế Tôn rằng: Cúi xin Như Lai,
原我罪過本愚所作。欲亂如來化作此食。助供侍使。
nguyên ngã tội quá bôn ngu sở tác. dục loạn Như Lai hóa tác thức thực. trợ cung thị sử。
tội lỗi của con vốn là do vô minh mà tạo ra, muốn làm náo loạn Như Lai nên biến hoá những thức ăn này để cúng dường。
師子諸座亦皆化作。心中念悔飲得滅沒所可化現。
Sư tử chư tọa diệc giai hóa tác. tâm trung niệm hối ẩm đắc diệt một sở khả hóa hiện。
Các toà Sư tử cũng đều biến hoá như vậy. Tâm con nghĩ mà cảm thấy hối hận, muốn diệt mất mà vẫn hoá hiện。
佛為聖尊矜恕為意。諸所施造令不復變。
Phật vì Thánh tôn cưng thứ vì ý. chư sở thí tạo lệnh bất phục biến。
Đức Phật là bậc thánh, đáng tôn quý, xót thương cho tâm con, những việc làm mà con đã tạo, khiến cho không dám tiếp tục làm nữa。
於是佛告仁賢。一切人民及其所有皆如幻化。

ư thị Phật cáo nhân hiền. nhất thiết nhân dân cập kỳ sở hữu giai như
huyễn hóa.

Lúc ấy, đức Phật bảo vị Nhân Hiền, tất cả dân chúng của thành Vương xá
và những gì của mình đều như huyễn hoá,

諸坐比丘亦如幻化。如我之身亦是慧幻。

chư tọa bi khâu diệc như huyễn hóa. như ngã chi thân diệc thị tuệ
huyễn.

các chỗ ngồi của các Tỷ-kheo cũng đều huyễn hoá, thân Như Lai cũng là
huyễn hoá,

此三千大千世界則復為化。

thử Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới tắc phục vi hóa.

ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này cũng đều huyễn hoá,

因緣罪福一切諸法亦如幻化。皆由因緣各在合會。

nhân duyên tội phúc nhất thiết chư Pháp diệc như huyễn hóa. giai do
nhân duyên các tại hợp hội.

nhân duyên, tội phúc, hết thảy các pháp cũng đều huyễn hoá. Tất cả đều
do nhân duyên mà tạo thành.

便持所化飯食之具分布施設。於是幻士仁賢。

tiện trì sở hóa phạn thực chi cụ phân bố thí thiết. ư thị huyễn sĩ nhân
hiền.

Nhân Hiền nghe đức Phật nói như vậy, liền đem những thức ăn biến hoá
được phân ra bố thí cho mọi người. Lúc đó, vị Huyền sĩ Nhân Hiền

梵王帝釋四天王。諸助供者。

Phạm Vương đế thích tứ Thiên Vương. chư trợ cung giả.

Cùng với Phạm Vương, Đế Thích và Tứ Thiên Vương, trợ giúp cúng dường,
擎化食供養世尊及比丘眾。

kình hóa thực cung dưỡng Thế Tôn cập bi khâu chúng.

đem thức ăn biến hoá được cúng giường lên đức Thế Tôn và các Tỷ-kheo.

於是賢者大迦葉說偈言。

ư thị hiền giả Đại Ca-diếp thuyết kệ ngôn.

Lúc ấy Hiền giả Đại Ca-diếp mới nói bài kệ rằng:

如今所設座

Như kim sở thiết tọa

Như nay bày toà ngồi

定意為平等

Định ý vi ình đẳng

Ý niệm luôn bình đẳng

舍利弗頌曰。

Xá lợi Phật tụng viết。

Ngài Xá Lợi Phật tụng bài kệ rằng:

如今供具心

Như kim cung cụ tâm

Con nay cúng bằng tâm

如是常等覺

Như thị thường đẳng giác

Thường tỉnh giác như vậy

須菩提頌曰。

Tu Bồ đề tụng viết。

Ngài Tu Bồ Đề tụng bài kệ rằng:

及其處上者

Cập kỳ xử thượng giả

Chỗ ấy là thượng tôn

善哉施無上

Thiện tai thí vô thượng

Lành thay thí vô thượng.

及其受者意

Cập kỳ thọ giả ý

Nhận cũng bằng tâm ấy

是疾畢信施

Thị tật tất tín thí

Thời tín thí mau tiêu.

是施無所施
Thị thí vô sở thí
Cho không thấy mình cho

其有應是行
Kỳ hữu ứng thị hành
Việc ấy làm như thế

阿難頌曰。

A-nan tụng viết。

Ngài A-nan tụng bài kệ rằng:

是施為尊乘
Thị thí vi tôn thừa
Bố thí là tối thượng

其身意無著
Kỳ thân ý Vô trú
Thân tâm không đắm trước

於是光英菩薩曰。

ư thị quang anh Bồ-tát viết。

Lúc đó, ngài Quang Anh Bồ-tát nói bài kệ rằng:

譬如彼幻士
Thí như bĩ huyễn sĩ
Thí như Huyền sĩ kia
一切世亦然
Nhất thiết thế diệc nhiên
Thế gian cũng như vậy

光造菩薩曰。

Quang Tạo Bồ-tát viết。

Ngài Quang Tạo Bồ-tát nói bài kệ rằng:

譬如坐樹下
Thí như tọa thụ hạ
Ví như ngồi dưới cây
所有幻亦空
Sở hữu huyễn diệc không
Bản chất huyễn trống không

師子菩薩曰。

Sư tử Bồ-tát viết。

Ngài Sư tử Bồ-tát nói bài kệ rằng:

不聞師子吼
Bất văn Sư tử hồng
Tiếng Sư tử không nghe

師子適震吼
Sư tử thích chấn hồng
Sư tử rống tiếng vang

仁賢卿有恨
Nhân hiền khanh hữu hận
Lòng Nhân Hiền hối hận

如來所現幻
Như Lai sở hiện huyễn
Như Lai hoá hiện huyễn

師子意菩薩曰。

Sư tử ý Bồ-tát viết。

Ngài Sư Tử Ý Bồ-tát tụng kệ rằng:

是飯食化作

受者無所受
Thọ giả vô sở thọ
Nhận chẳng thấy mình nhận
是為畢信施
Thị vi tất tín thí
Tín thí mới dễ tiêu.

食者無有心
Thục giả vô hữu tâm
Khi ăn phải dụng tâm
是為世眾祐
Thị vi thế chúng hữu
Đó là bậc xuất thế.

仁賢現此化
Nhân hiền hiện thử hóa
Hoá hiện những pháp này
愚者不及解
Ngu giả bất cập giải
Người mê không hiểu rõ.

悉以幻化作
Tất dĩ huyễn hóa tác
Hiện ra pháp giả huyễn.
適等無差異
Thích đẳng vô sai dị
Bình đẳng khác gì đâu.

小獸樹間鳴
Tiểu thú thụ gian minh
Chim thú rừng im lặng
馳走竄十方
Trì tẩu thoán thập phương
Động khắp mười phương cõi.

以幻惑人民
Dĩ huyễn hoặc nhân dân
Dùng huyễn mê hoặc người
眾魔不能當
Chúng ma bất năng đương
Chúng ma không thể hại.

供助者亦幻

Thị phạn thực hóa tác
Thức ăn hoá hiện được
食飯者皆化
thực phạn giả giai hóa
Người ăn cũng như huyễn
慈氏菩薩曰。

Từ Thị Bồ-tát viết.
Ngài Từ Thị Bồ-tát nói bài kệ rằng:

油醍醐澆火
Du thể hồ kiêu hỏa
Dầu, còn biến thành lửa
仁賢幻如是
Nhân hiền huyễn như thị
Huỷễn Nhân Hiền là thể
軟首童子曰。

Nhuyễn thủ Đồng tử viết.
Ngài Nhuyễn Thủ Đồng Tử nói bài kệ rằng:

譬如本此處
Thí như bản thù xứ
Thí như nơi chốn này
仁賢所興幻
Nhân hiền sở hưng huyễn
Nhân Hiền tạo ra huyễn
一切法如是
Nhất thiết Pháp như thị
Hết thảy pháp là thể
不覺了當來
Bất giác liễu đương lai
Không hiểu rõ tương tại
於是世尊。欲勸化幻士仁賢。

ư thị Thế Tôn. dục khuyến hóa huyễn sĩ nhân hiền.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn muốn khuyến hoá vị Huỷễn sĩ Nhân Hiền,

則於講堂之東化造殿舍。長者處其中。謂仁賢曰。

tắc ư giảng đường chi Đông hóa tạo điện xá. Trưởng-Giả xử kỳ trung. vị nhân hiền viết.

liền ở phía đông giảng đường hoá thành một ngôi nhà to lớn, cho một trường giả ở trong đó. Trưởng giả mới hỏi vị Nhân Hiền rằng:

今何所作。答曰。我供養沙門瞿曇及比丘僧。

kim hà sở tác. đáp viết. ngã cung dưỡng Sa-môn Cồ Đàm cập bi khâu Tăng. Ngày nay, người đã làm gì? Nhân Hiền đáp: Ngày nay, tôi đã cúng dường Sa-môn Cù Đàm và Tỷ-kheo Tăng.

長者答幻士勿說是言。今者世尊。

Trưởng-Giả đáp huyễn sĩ vật thuyết thị ngôn. kim giả Thế Tôn.

Trưởng giả nói: Huỷễn sĩ chớ nói những lời như vậy. Ngày nay, đức Thế Tôn

在王阿闍世宮而食。及比丘眾。時仁賢承佛威神。

tại Vương A đồ thể cung nhi thực. cập bi khâu chúng. thời nhân hiền thừa Phật uy Thân.

và các Tỷ-kheo thọ thực tại cung vua A-xà-thế. Lúc bấy giờ, vị Nhân Hiền nương vào thân lực của đức Phật,

見佛及僧在王宮食。時佛復化作長者來入講堂。

Cung trợ giả diệc huyễn
Cúng dường cũng là huyễn
善哉祠無上
Thiện tai từ vô thượng
Lành thay! Đều vô thượng.

其明益熾盛
Kỳ minh ích sí thịnh
Ánh sáng cháy bùng lên
佛幻為普現
Phật huyễn vi phổ hiện
Huỷễn Phật biến hoá khắp.

一切皆化造
Nhất thiết giai hóa tạo
Tất cả đều hoá hiện
欺誑惑眾人
Khi cuồng hoặc chúng nhân
Dối trá mê hoặc người.
本為悉平等
Bản vi tất bình đẳng
Vốn bình đẳng không sai
愚癡行生死
Ngu si hành sanh tử
Ngu si bị sanh tử.

kiến Phật cập Tăng tại Vương cung thực. thời Phật phục hóa tác Trường-Già lai nhập giảng đường.

thấy Phật và chư Tăng đang thọ thực tại cung vua. Lúc đó, đức Phật biến hoá làm một vị Trường giả đi vào trong giảng đường

問仁賢曰。今何所作。答曰今供佛及僧。長者答曰。

vấn nhân hiền viết. kim hà sở tác. đáp viết kim cung Phật cập

Tăng. Trường-Già đáp viết.

hỏi vị Nhân Hiền: Ngày nay, người đã làm gì? Nhân Hiền đáp: Ngày nay, tôi đã cúng dường đức Phật và chư Tăng. Trường giả liền nói rằng:

勿說是言。今佛及僧遊於異道分衛。

vật thuyết thị ngôn. kim Phật cập Tăng du ư dị đạo phân vệ.

Người chớ nói những lời như vậy. Ngày nay, đức Phật và chư Tăng chia ra mỗi người mỗi nơi để giáo hoá chỗ khác.

時仁賢承佛威神。見佛之眾於異道分衛。

thời nhân hiền thừa Phật uy Thần. kiến Phật

chi chúng ư dị đạo phân vệ.

Lúc đó, vị Nhân Hiền nương vào oai thần của đức Phật, thấy Phật và chư Tăng đang giáo hoá ở nơi khác.

復有長者到仁賢所曰。今何所作。答曰供佛及眾。

phục hữu Trường-Già đáo nhân hiền sở viết. kim hà sở tác. đáp viết cung Phật cập chúng.

Lại nữa, Trường giả đến hỏi vị Nhân Hiền. Ngày nay, người đã làm gì? Vị Nhân Hiền đáp: Ngày nay, tôi đã cúng dường Phật và chư Tăng.

長者答曰勿說是言。今世尊在耆域醫王後園。

Trường-Già đáp viết vật thuyết thị ngôn. kim Thế Tôn tại kì vực y Vương hậu viên.

Trường giả nói rằng: Người chớ nói những lời như vậy. Ngày nay, đức Thế Tôn ở tại hậu viên của vua Kỳ Vực Y,

為四部眾講說經道。仁賢承佛威神。

vì tứ bộ chúng giảng thuyết Kinh đạo. nhân hiền thừa Phật uy Thần.

cùng với bốn bộ chúng thuyết giảng kinh điển. Nhân Hiền nương vào thần lực của đức Phật,

見佛在耆域後園。為四部眾講法。時天帝釋。

kiến Phật tại kì vực hậu viên. vì tứ bộ chúng giảng Pháp. thời Thiên đế thích.

thấy Phật ở tại hậu viên của vua Kỳ Vực Y vì bốn bộ chúng mà thuyết pháp. Lúc đó, Thiên Đế Thích

謂仁賢曰。今何所作。答曰我供佛及眾。

vị nhân hiền viết. kim hà sở tác. đáp viết ngã cung Phật cập chúng.

nói với vị Nhân Hiền rằng: Ngày nay, người đã làm gì? Vị Nhân Hiền đáp rằng: Ngày nay, tôi đã cúng dường Phật và chúng Tăng.

帝釋答曰勿說是言。今者如來。

đế thích đáp viết vật thuyết thị ngôn. kim giả Như Lai.

Thiên Đế Thích nói rằng: Người chớ nói những lời như vậy. Ngày nay, đức Như Lai,

在忉利天晝夜樹下為諸天人講法。仁賢承佛威神。

tại đao lợi Thiên trú dạ thụ hạ vì chư Thiên nhân giảng Pháp. nhân hiền thừa Phật uy Thần.

ở cung trời Đao Lợi đêm ngày dưới gốc cây vì chú thiên giảng pháp. Vị Nhân Hiền nương vào oai thần của đức Phật,

見佛在忉利天為天人說法。幻士仁賢見諸樹上。

kiến Phật tại đao lợi Thiên vì Thiên Nhơn thuyết Pháp. huyễn sĩ nhân hiền kiến chú thụ thượng.

thấy Phật đang ở cung trời Đao Lợi vì chú thiên thuyết pháp. Vị Huyền sĩ Nhân Hiền thấy trên những hàng cây,

枝葉花實皆有寶座。如來相好具足僧眾圍繞。

chi diệp hoa thật giai hữu bảo tọa. Như Lai tướng hảo cụ túc Tăng chúng vây quanh.

cành lá, hoa quả, đều có toà báu. Như Lai có đầy đủ tướng tốt, có Tăng chúng vây quanh,

在諸化師子座上。四天王帝釋梵王。

tại chú hóa Sư tử tọa thượng. tứ Thiên Vương đế Thích Phạm Vương.

ngồi trên các toà Sư tử mà đức Phật hoá hiện. Tứ Thiên Vương, Đế Thích, Phạm Vương

而化師子座皆見坐如來。并王舍城諸街里巷館宇。

nhì hóa Sư tử tọa giai kiến tọa Như Lai. tinh Vương xá thành chú nhai lý hạng quán vũ.

đều thấy Như Lai ngồi trên toà Sư tử. Những người tại thành Vương xá, các ngã tư đường phố, quán xá nhà cửa,

皆見如來。遍諸佛世尊前。皆見仁賢悔過自贖。

giai kiến Như Lai. biến chú Phật Thế Tôn tiền. giai kiến nhân hiền hối quá tự vĩ.

đều thấy Như Lai, biến hiện ra trước chú Phật Thế Tôn. Hết thấy, đều thấy vị Nhân Hiền hối lỗi tự thấy mình sai trái.

時仁賢目之所覩。不復見餘但見如來。

thời nhân hiền mục chi sở đồ. bất phục kiến dư đãn kiến Như Lai.

Lúc bấy giờ, mắt của vị Nhân Hiền lại không thấy các pháp như huyễn mà chỉ thấy Như Lai.

幻士喜踊即生善心。用歡喜故得佛意三昧。

huyễn sĩ hỉ dũng tức sanh thiện tâm. dụng hoan hỷ cố đắc Phật ý tam muội.

Vị Huyền sĩ Nhân Hiền trong lòng vui mừng liền phát sanh thiện tâm, hoan hỷ nên chứng được pháp Tam Muội.

從定意起叉手於佛前。以頌問佛曰。

tòng định ý khởi xoa thủ ư Phật tiền. dĩ tụng vấn Phật viết。

Từ định tâm đó, đứng dậy chắp tay trước Phật mà tụng bài kệ hỏi Phật rằng:

今我覩見	如來神足	意之頃
Kim ngã đồ kiến	Như Lai Thần túc	Phát ý chi khoảnh
Con nay đã thấy	Thần túc Như Lai	Khoảnh khắc phát ý
化若干佛	其數百千	過是限
Hóa nhược can Phật	Kỳ số bách thiên	Phục quá thị hạn
Hoá Phật vô ngần	Nhiều đến trăm ngàn	Vượt quá giới hạn
若江河沙	諸佛如是	我本自謂
Nhược giang hà sa	Chư Phật như thị	Ngã bản tự vị
Hơn cát sông Hằng	Chư Phật cũng thế.	Con vốn tự bảo
廣學幻術	於閻浮利	無與等者
Quảng học huyễn thuật	Ư diêm phù lợi	Vô dữ đẳng giả

Học rộng huyền thuật

今日觀見

Kim nhật quán kiến
Ngày nay con thấy

不可為比
Bất khả vi bì
Không thể so sánh

普見諸佛
Phổ kiến chư Phật
Thấy khắp chư Phật

欲問法王
Dục vấn Pháp Vương
Muốn hỏi Thế Tôn

奉事何佛
Phụng sự hà Phật
Phụng Phật thế nào

功德最大
Công đức tối Đại
Là công đức lớn

願為說是
Nguyện vi thuyết thị
Xin nói như vậy

一切所犯
Nhất thiết sở phạm
Tội lỗi đã làm

其於尊人
Kỳ ư tôn nhân
Người người tôn thờ

不得所願
Bất đắc sở nguyện
Sở nguyện không thành

於是眾會
Ư thị chúng hội
Ở nơi chúng hội

菩薩之心
Bồ-tát chi tâm
Tâm Bồ-tát-đạo

今我為請
Kim ngã vi thỉnh
Con nay vì muốn

甘露安隱
Cam lộ an ổn
Cam lồ an ổn

逮得奇特
Đãi đắc kỳ đặc
Những điều kỳ lạ

如是所現
Nhu thị sở hiện
Điều như vậy hiện.

其慧無礙
Kỳ tuệ vô ngại
Tuệ giác vô ngại

Lợi nơi Diêm Phù

佛之神足

Phật chi Thần túc
Thần túc của Phật

今我目覩
Kim ngã mục đồ
Mắt con nay thấy

相好莊嚴
Tướng hảo trang nghiêm
Tướng hảo trang nghiêm.

何許是佛
Hà hứa thị Phật
Ngài hứa thế nào

為第一供
Vi đệ nhất cung
Là đệ nhất cúng

何所清淨
Hà sở thanh tịnh
Làm sao thanh tịnh

平等普見
Bình đẳng phổ kiến
Bình đẳng thấy khắp.

身所試佛
Thân sở thí Phật
Mình đã thử Phật

不行恭敬
Bất hành cung kính
Ai thiếu cung kính

諸天已聞
Chư Thiên dĩ văn
Chư thiên nghe rồi

一切普達
Nhất thiết phổ đạt
Thấu rõ tất cả.

用一切故
Dụng nhất thiết cố
Tất thảy tâm ấy

一切眾生
Nhất thiết chúng sanh
Tất cả chúng sanh

令睡眠者
Lệnh thụy minh giả
Ngủ được ngon giấc

智慧燈明
Trí tuệ đăng minh
Đuốc tuệ sáng soi

聞其所言
Văn kỳ sở ngôn
Nghe lời đó rồi

導行最上
Đạo hành tối thượng
Đạo hạnh tối thượng

Không đáng tôn quý.

計校譬喻

Kê hiệu thí dụ
Không thể ví dụ

不復見餘
Bất phục kiến dư
Không có dư thừa.

是故今我
Thị cố kim ngã
Vì thế con nay

唯願尊說
Duy nguyện tôn thuyết
Cúi xin Ngài nói.

施何所佛
Thí hà sở Phật
Thí Phật thế nào

受施眾祐
Thọ thí chúng hữu
Nhận cho vô chấp.

我今首過
Ngã kim thủ quá
Con nay hồi hận

世雄導師
Thế hùng Đạo sư
Thế Hùng Đạo sư

是為自棄
Thị vi tự khí
Là tự bỏ sót

及與帝釋
Cập dữ đế thích
Đề thích cũng thế.

我今為發
Ngã kim vi phát
Con nay phát được

今悉度脫
Kim tất độ thoát
Nay đã vượt qua.

皆使飽滿
Giải sử bão mãn
Đều được tròn đầy

疾得覺悟
Tật đắc giác ngộ
Giác ngộ tỉnh thức.

誰能化變
Thùy năng hóa biến
Nêu ai biến được

安定柔軟
An định nhu nhuyễn
Lòng nhẹ nhàng vui

彼不生心
Bỉ bất sanh tâm
Không sanh tâm kia

道意最尊
Đạo ý tối tôn
Ý đạo trên hết
為奉何尊
Vi phụng hà tôn
Phụng Phật thế nào
為具足行
Vi cụ túc hành
Thực hành đầy đủ.
無行之行
Vô hành chi hành
Làm mà không làm
而諦聽聞
Nhi đế thính văn
Con xin lắng nghe
云何而發
Vân hà nhi phát
Phát tâm làm sao
聞受無厭
Văn thọ vô yếm
Nghe nhận không chán.
云如之何
Vân như chi hà
Làm sao chuyển được
法皆照人
Pháp giai chiếu nhân
Pháp đến mọi người.
云何得立
Vân hà đắc lập
Làm sao lập được
所在充備
Sở tại sung bị
Sung mãn đầy đủ.
云何善師
Vân hà thiện sư
Sao gọi thầy lành
而當遠離
Nhi đương viễn li
Mà luôn tránh xa.
已得見值
Dĩ đắc kiến trị
Gặp ngài xong rồi
得為上尊
Đắc vi thượng tôn
Được tối thượng thừa.
云何於戒
Vân hà ư giới
Giữ giới làm sao
三昧定意
Tam muội định ý
Ý định Tam muội.
云何捨離

願為我說
Nguyện vi ngã thuyết
Vi con nói rõ
疾逮佛道
Tật đãi Phật đạo
Đề mau thành Phật
一切弟子
Nhất thiết đệ-tử
Hết thầy đệ tử
德為何類
Đức vi hà loại
Đức ấy là gì
何謂所樂
Hà vị sở lạc
Sao gọi là vui
所生無疑
Sở sanh vô nghi
Dứt hết nghi ngờ.
何時逮得
Hà thời đãi đắc
Lúc nào đạt được
講說法教
Giảng thuyết Pháp giáo
Bánh xe chánh pháp.
云何施道
Vân hà thí đạo
Bổ thí làm sao
無異之心
Vô dị chi tâm
Tâm niệm bình đẳng.
於眾人民
Ư chúng nhân dân
Đối với mọi người
當奉習效
Đương phụng tập hiệu
Đề học hỏi theo.
云何得往
Vân hà đắc vãng
Làm sao được đi
云何供養
Vân hà cung dưỡng
Cúng dường làm sao
云何精學
Vân hà tinh học
Học tập làm sao
而為清淨
Nhi vi thanh tịnh
Thân tâm trong sạch.
何所施設
Hà sở thí thiết
Thực hành làm sao
非法之義

微妙道行
VI diệu đạo hành
Đạo mầu vi diệu.
云何如是
Vân hà như thị
Nhu vậy làm sao
所不能及
Sở bất năng cập
Không thể sánh bằng
正義云何
Chánh nghĩa vân hà
Chính nghĩa là sao
禮節經行
Lễ tiết kinh hành
Khoá lễ kinh hành.
云何精進
Vân hà tinh tấn
Sao gọi tinh tấn
堅固聽聞
Kiên cố thính văn
Kiên cố lắng nghe.
何謂光耀
Hà vị quang diệu
Sao gọi chiếu soi
而得慈行
Nhi đắc từ hành
Đề được từ hạnh.
何謂祠祀
Hà vị từ tự
Thờ tự làm sao
為堅固慈
Vi kiên cố từ
Lòng mãi từ bi.
云何惡友
Vân hà ác hữu
Sao gọi bạn ác
見佛世尊
Kiến Phật Thế Tôn
Gặp Phật Thế Tôn.
當學何學
Đương học hà học
Phải học những gì
而得智慧
Nhi đắc trí tuệ
Mà có trí tuệ.
云何逮得
Vân hà đãi đắc
Làm sao mau được
成嚴淨行
Thành nghiêm tịnh hạnh
Thành tựu tịnh hạnh.
云何於道

Vân hà xả ly
Làm sao xả bỏ
而伏其意
Nhi phục kỳ ý
Điều phục tâm ý
云何聽受
Vân hà thính thọ
Nghe nhận làm sao
一切眾生
Nhất thiết chúng sanh
Hết thầy chúng sanh
堅固奉德
Kiên cố phụng đức
Giữ đức vững bền
而不捨行
Nhi bất xả hành
Mà không bỏ sót
云何神通
Vân hà Thần thông
Thần thông làm sao
道心尊特
Đạo tâm tôn đặc
Tâm đạo tôn quý.
逮得分別
Đãi đắc phân biệt
Phân biệt được hết
行不退轉
Hành bất thoái chuyển
Tâm không thoái chuyển
云何於是
Vân hà ư thị
Lúc đó làm sao
微妙曉了
Vi diệu hiểu liễu
Hiểu rõ pháp mẫu
於道堅住
Ư đạo kiên trụ
Với đạo kiên cố
上妙之義
Thượng diệu chi nghĩa
Nghĩa nhiệm mầu trên
世尊愍傷
Thế Tôn mẫn thương
Thế Tôn thương xót
堅固奉行
Kiên cố phụng hành
Phụng hành kiên cố.
於是佛為幻士仁賢。說偈曰。
ư thị Phật vì huyễn sĩ nhân hiền。thuyết kệ viết。
Lúc đó đức Phật vì Huyễn sĩ Nhân Hiền mà nói bài kệ rằng:
其能解知
Kỳ năng giải tri

Phi Pháp chi nghĩa
Nghĩa phi pháp ấy.
示現降魔
Thị hiện hàng ma
Dẹp hết bóng ma
思惟經義
Tu duy Kinh nghĩa
Tu duy nghĩa kinh
云何教化
Vân hà giáo hóa
Giáo hoá làm sao
無所行處
Vô sở hạnh xứ
Chỗ nào cũng đến.
善權慈心
Thiện quyền từ tâm
Tâm từ rải khắp
而得具足
Nhi đắc cụ túc
Mà được đầy đủ.
云何一切
Vân hà nhất thiết
Hết thầy làm sao
總持法忍
Tổng Trì Pháp nhẫn
Pháp nhẫn Tổng Trì
深奧之意
Thâm áo chi ý
Thâm áo nghĩa kinh
得極過度
Đắc cực quá độ
Vượt qua biên khổ
一切皆知
Nhất thiết giai tri
Biết khắp tất cả
而不動轉
Nhi bất động chuyển
Không lay chuyển tâm
諸通之慧
Chư thông chi tuệ
Thần thông trí tuệ
願為我說
Nguyện vì ngã thuyết
Xin vì con nói
一切法化
Nhất thiết Pháp hóa

Vân hà ư đạo
Với đạo làm sao
欲塵繫縛
Dục trần hệ phọc
Qua bờ trần thế.
其心不捨
Kỳ tâm bất xả
Tâm không quên lãng.
人物群黎
Nhân vật quần lê
Tất cả các loài
云何於人
Vân hà ư nhân
Với người làm sao?
仁愛之跡
Nhân ái chi tích
Nhân ái chi tích
Thương yêu tất cả.
何謂意志
Hà vị ý chí
Sao gọi ý chí
得成所願
Đắc thành sở nguyện
Được thành sở nguyện
辯才清淨
Biện tài thanh tịnh
Biện tài trong sạch.
解義第一
Giải nghĩa đệ nhất
Giải nghĩa đệ nhất
Rõ nghĩa đệ nhất.
已得道證
Đĩ đắc đạo chứng
Đĩ đắc đạo chứng
Đền bờ giác ngộ.
是佛道行
Thị Phật đạo hành
Là hành Phật đạo.
唯願說是
Duy nguyện thuyết thị
Nguyện xin nói thế
明智如海
Minh trí như hải
Biết rõ như biển.
我思逮得
Ngã tư đãi đắc
Con sẽ lắng nghe

Người phải biết rõ
億百千佛
Ức bách thiên Phật
Trăm ức ngàn Phật
所至到處
Sở chí đáo xứ
Đều đến đó được
以無形色
Dĩ vô hình sắc
Lấy vô hình sắc
彼無有起
Bỉ vô hữu khởi
Chúng không có sanh
亦無去處
Diệc vô khứ xứ
Cũng không chỗ đến
佛身
Hóa hiện Phật thân
Hoá hiện thân Phật
不見住處
Bất kiến trụ xứ
Chẳng trụ nơi nào
譬如所幻
Thí như sở huyễn
Thí như huyễn hoá
行人
Xa bộ hành nhân
Người đi xe chạy
是顛倒事
Thị điên đảo sự
Việc điên đảo kia
無有色身
Vô hữu sắc thân
Không có sắc thân
自見身者
Tự kiến thân giả
Tự thấy thân mình
除去眾想
Trừ khứ chúng tướng
Trừ bỏ vọng tưởng.
不起種姓
Bất khởi chủng tính
Không sanh chủng tánh
及以言說
Cập dĩ ngôn thuyết
Dùng lời nói năng
如佛所覺
Như Phật sở giác
Như Phật đã giác
想無所起
Tưởng vô sở khởi
Tưởng không chỗ sanh

Tất cả các pháp
亦能化至
Diệc năng hóa chí
Có thể hóa được
度億群生
Độ ức quần sanh
Độ hết chúng sanh
能示現色
Năng thị hiện sắc
Có thể hiện sắc
亦無有滅
Diệc vô hữu diệt
Cũng không có diệt
如是仁賢
Như thị nhân hiền
Như vậy Nhân Hiền
及比丘僧
Cập bi khâu Tăng
Chư Tỷ-kheo Tăng
智不思議
Trí bất tư nghị
Trí không thể bàn
因緣等一
Nhân duyên đẳng nhất
Nhân duyên bực nhất
無有坐者
Vô hữu tọa giả
Không có người ngồi
人謂為正
Nhân vị vi chánh
Người cho là chánh
亦無形像
Diệc vô hình tượng
Cũng không hình tướng
求索處所
Cầu tác xứ sở
Tìm nơi trú ẩn
佛無色貌
Phật vô sắc mạo
Phật không sắc mạo
觀不可見
Quán bất khả kiến
Xem không thể thấy
無心意識
Vô tâm ý thức
Tâm vô ý thức
實為以來
Thật vì dĩ lai
Chân thật đến nơi
常不生想
Thường bất sanh tưởng
Vọng tưởng chấm dứt

Có thể biến hiện
億千佛國
Ức thiên Phật quốc
Ngàn ức nước Phật
如卿仁賢
Như khanh nhân hiền
Như Nhân Hiền vậy.
觀無央數
Đồ vô ương số
Thấy vô số kể.
不見有來
Bất kiến hữu lai
Không thấy có diệt
其佛正士
Kỳ Phật chánh sĩ
Phật Bồ-tát ấy 化現
無所從來
Vô sở tòng lai
Không từ đâu đến
是佛神足
Thị Phật Thần túc
Là thần túc Phật.
現有象馬
Hiện hữu tượng mã
Hiện ra voi ngựa 車步
亦無所至
Diệc vô sở chí
Không có chỗ đến.
諸佛如是
Chư Phật như thị
Chư Phật như vậy.
不行無處
Bất hành vô xứ
Không đi không ở
寤不覺者
Ngự bất giác giả
Người ngủ tỉnh thức
離於相好
Ly ư tướng hảo
Xa lìa tướng tốt
無有音聲
Vô hữu âm thanh
Không có âm thanh
離所思念
Ly sở tư niệm
Lìa xa suy nghĩ.
三世悉空
Tam thế tất không
Ba đời trống rỗng
已見本淨
Dĩ kiến bản tịnh
Thấy được bản tâm.

彼無有法
Bí vô hữu Pháp
Pháp kia vốn không
本淨無數
Bổn tịnh vô số
Vốn tịnh không lường
彼之所住
Bí chi sở trụ
Chỗ ở nơi kia
智慧之眼
Trí tuệ chi nhãn
Con mắt trí tuệ
其人未曾
Kỳ nhân vị tăng
Người ấy chưa từng
為觀導師
Vi đồ Đạo sư
Gặp được đạo sư
如卿仁賢
Nhu khanh nhân hiền
Nhu vị Nhân Hiền
當平等定
Đương bình đẳng định
Hết thấy bình đẳng.
一切正慧
Nhất thiết chánh tuệ
Hết thấy chánh tuệ
三昧平等
Tam muội bình đẳng
Bình đẳng Tam muội
於是慧等
Ư thị tuệ đẳng
Đó là trí tuệ
佛之名德
Phật chi danh đức
Danh đức Phật-đà
一切諸法
Nhất thiết chư Pháp
Các pháp hết thấy
本淨解脫
Bổn tịnh giải thoát
Thanh tịnh giải thoát
仁賢當知
Nhân hiền đương tri
Nhân Hiền nên biết
十方諸佛
thập phương chư Phật
Chư Phật mười phương
求索若干
Cầu tác nhược can
Tìm cầu vô ngần
人之信施

其德皆吉
Kỳ đức giai cát
Đức ấy tốt lành
無有四大
Vô hữu tứ Đại
Bốn đại có không
不動無著
Bất động Vô trú
Không động không đắm
如我所覺
Nhu ngã sở giác
Nhu ta đã biết
得見世尊
Đắc kiến Thế Tôn
Được gặp Thế Tôn
譬如舉手
Thí như cử thủ
Giống như đưa tay
所見諸佛
Sở kiến chư Phật
Thấy được chư Phật
我亦如是
Ngã diệc như thị
Ta cũng như vậy
其相平等
Kỳ tướng bình đẳng
Tướng ấy bình đẳng
定意智慧
Định ý trí tuệ
Tâm định tuệ sanh
度知見事
Độ tri kiến sự
Gặp việc thấy biết
空義平等
Không nghĩa bình đẳng
Bình đẳng trống không
所住無礙
Sở trụ vô ngại
Chỗ trụ vô ngại
無所成就
Vô sở thành tựu
Thành tựu tất cả
供一佛已
Cung nhất Phật dĩ
Cúng dường Phật rồi
於此如是
ư thử như thị
Đều như vậy hết.
終不可得
Chung bất khả đắc
Cuối cùng chẳng được
一切所施

佛之所生
Phật chi sở sanh
Phật sanh nơi ấy
亦無蔭蓋
Diệc vô âm cái
Tuông âm như vậy.
不能曉了
Bất năng hiểu liễu
Không thể hiểu rõ.
為得見佛
Vi đắc kiến Phật
Vi được thấy Phật
見無所見
Kiến vô sở kiến
Thấy mà không thấy
探捉虛空
Tham tróc hư không
Nắm lấy hư không.
悉為一義
Tất vi nhất nghĩa
Đều cùng một nghĩa
餘佛無異
Dư Phật vô dị
Nhu Phật không khác
其戒清淨
Kỳ giới thanh tịnh
Giới ấy trong sạch.
解脫平等
Giải thoát bình đẳng
Giải thoát bình đẳng
一切諸力
Nhất thiết chư lực
Dốc hết sức mình.
及道行跡
Cập đạo hành tích
Đạo hành khắp nơi.
一切如幻
Nhất thiết như huyễn
Hết thấy như huyễn
所起嚴淨
Sở khởi nghiêm tịnh
Thanh tịnh trang nghiêm.
為已奉事
Vi dĩ phụng sự
Là đã phụng sự
法平等故
Pháp bình đẳng cố
Các pháp bình đẳng
一切能淨
Nhất thiết năng tịnh
Hết thấy trong sạch.
皆大德果

Nhân chi tín thí
Người tin bố thí
一切清淨
Nhất thiết thanh tịnh
Thanh tịnh hết thảy
亦無差特
Diệc vô sai đặc
Sai khác gì đâu
有顛倒行
Hữu điên đảo hành
Nếu có điên đảo
所示形像
Sở kì hình tượng
Bày các hình tướng
如卿仁賢
Như khanh nhân hiền
Như vị Nhân Hiền
所造化作
Sở tạo hóa tác
Tạo sự huyền hoá
凡著諸蓋
Phàm trú chư cái
Phàm bị che lấp
不實無有
Bất thật vô hữu
Chẳng thật chẳng hư
是不可見
Thị bất khả kiến
Cũng không chỗ thấy
不得久住
Bất đắc cử trụ
Chẳng được dài lâu.
眾生諍訟
Chúng sanh tránh tụng
Chúng sanh tranh tụng
所可現相
Sở khả hiện tướng
Có thể hiện tướng
虛妄之法
Hư vọng chi Pháp
Các pháp hư dối
無形之樹
Vô hình chi thụ
Dụng ra vô hình
斷諸受想
Đoạn chư thọ tướng
Đoạn trừ thọ tướng
及所作為
Cập sở tác vi
Mình đã tạo ra
離欲法已
Ly dục Pháp dĩ

Nhất thiết sở thí
Cho hết tất cả
起法平等
Khởi Pháp bình đẳng
Sanh pháp bình đẳng
一切皆悉
Nhất thiết giai tất
Tất cả như vậy
則不見佛
Tắc bất kiến Phật
Thời không thấy Phật.
一切皆盡
Nhất thiết giai tận
Tất cả đều vậy
念所見佛
Niệm sở kiến Phật
Nghĩ đã thấy Phật.
喻觀五陰
Dụ quán ngũ uẩn
Rõ quán ngũ âm
及與愚癡
Cập dữ ngu si
Sự ngu si ấy
於此無處
Ư thử vô xứ
Chẳng trụ nơi đây
亦無有色
Diệc vô hữu sắc
Cũng không có sắc
五陰自然
Ngũ uẩn tự nhiên
Năm âm cũng vậy
自貪身相
Tự tham thân tướng
Tự tham thân tướng
正覺佛道
Chánh giác Phật đạo
Chánh giác Phật đạo
起眾想處
Khởi chúng tướng xứ
Phát sanh vọng tướng
造發眾事
Tạo phát chúng sự
Tạo tác các việc
是為本無
Thị vi bản vô
Các pháp vốn không
彼即了法
Bỉ tức liễu Pháp
Rõ được pháp kia
即識知如
Tức thức tri như

Giai Đại Đức quả
Phước đức lớn lao.
佛無若干
Phật vô nhược can
Phật cũng ngần ấy
審為是佛
Thẩm vi thị Phật
Xét rõ là Phật.
今是諸佛
Kim thị chư Phật
Nay chư Phật ấy
平等無處
Bình đẳng vô xứ
Bình đẳng không khác.
譬若如仁
Thí nhược như nhân
Ví như Nhân Hiền
亦當如是
Diệc đương như thị
Cũng đều như vậy.
其是無生
Kỳ thị vô sanh
Chính là không sanh.
亦無所立
Diệc vô sở lập
Cũng không chỗ đứng
諦觀是已
Đề quán thị dĩ
Thấy rõ như thế.
於是如幻
Ư thị như huyền
Cũng là như huyền.
無相之相
Vô tướng chi tướng
Tướng trong vô tướng
遠如復遠
Viễn như phục viễn
Xa lại càng xa.
生眾因緣
Sanh chúng nhân duyên
Nhân duyên sanh khởi.
若干種意
Nhược can chùng ý
Chùng ý vô ngần
其知因緣
Kỳ tri nhân duyên
Biết nhân duyên ấy
逮得離欲
Đãi đắc ly dục
Tức lia tham muốn.
即得見道
Tức đắc kiến đạo

Lìa tham muốn rồi Biết rõ nhu vậy Túc được thấy đạo.
其眼清淨
Kỳ nhãn thanh tịnh
Mắt ấy thanh tịnh.

佛說此偈時。幻士仁賢。得柔順法忍。

Phật thuyết thử kệ thời. huyễn sĩ nhân hiền. đắc nhu thuận Pháp nhãn.
Khi Phật thuyết bài kệ xong rồi, Huyền sĩ Nhân Hiền hoan hỷ phụng hành
liền được giải thoát.

五千人未曾發心。皆發無上正真道意。二百天人。

ngũ thiên nhân vị tăng phát tâm. giai phát vô thượng chánh chân đạo
ý. nhị bách Thiên Nhơn.

Lúc đó, năm ngàn người chưa từng phát tâm, nay đều phát tâm vô thượng
chánh đẳng chánh giác. Hai trăm nhân thiên

遠塵離垢諸法眼淨。於是佛食化飯已。

viễn trần ly cấu chư Pháp nhãn tịnh. ư thị Phật thực hóa phạn dĩ.
được xa lìa trần cấu đắc được pháp Nhãn. Lúc đó, đức Phật biến hoá ra
thức ăn xong rồi.

欲增益仁賢信施之德。便說偈言。

dục Tăng ích nhân hiền tín thí chi đức. tiện thuyết kệ ngôn.
muốn làm Tăng thêm đức tin bố thí cho vị Nhân Hiền liền thuyết bài kệ
rằng:

如是不想報
Như thị bất tương báo
Không tương báo nhu vậy
一切施等具
Nhất thiết thí đẳng cụ
Bồ thí khắp tất cả

所與者得淨
Sở dĩ giả đắc tịnh
Người ấy được thanh tịnh.
仁賢德滿足
Nhân hiền đức mãn túc
Nhân Hiền đầy đủ đức.

賢者大目捷連白佛言。唯願世尊。

hiền giả Đại Mục-kiền-liên bạch Phật ngôn. duy nguyện Thế Tôn.
Hiền giả đại Mục-kiền-liên bạch Phật rằng : Cúi xin Thế Tôn,

令化講堂得住。晝夜七日使不滅沒。佛即以威神

lệnh hóa giảng đường đắc trụ. trú dạ thất nhật sử bất diệt một. Phật túc
dĩ uy Thần.

Ngài hãy biến hoá một giảng đường để ở, giảng đường đó bảy ngày đêm
đừng có mất. Đức Phật liền dùng thần lực,

令化講堂晝夜七日住立不滅莊嚴如故。

lệnh hóa giảng đường trú dạ thất nhật trụ lập bất diệt trang nghiêm như
cổ.

biến hoá ra một ngôi giảng đường tồn tại được bảy ngày không mất trang
nghiêm như vậy.

時佛從坐起。與比丘及諸菩薩。

thời Phật tùng tọa khởi. dĩ bi khâu cập chư Bồ-tát.

Lúc ấy, Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với Tỷ-kheo và chư Bồ-tát,

天龍鬼捷沓瑟。往詣佛所聽受經法。

Thiên Long quỷ kiền đạ hòa. vãng nghê Phật sở thính thọ Kinh Pháp.
Thiên Long, quỷ Kiền Đạ Hoà, đi đến chỗ Phật xin thọ kinh pháp.

於是仁賢往到佛所。稽首禮足繞佛三匝。却又手住白佛言。

ư thị nhân hiền vãng đáo Phật sở. kê thủ lễ túc nhiều Phật tam

tạp. khuốc xoa thủ trụ bạch Phật ngôn.

Khi đó, Nhân Hiền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ đức Phật và đi quanh ba vòng, chấp tay bạch đức Phật rằng:

唯世尊。菩薩有幾道行所可住處。

duy Thế Tôn. Bồ-tát hữu ki đạo hành sở khả trụ xứ
Bạch đức Thế Tôn, Bồ-tát có bao nhiêu đạo hạnh trú xứ

得至道場曉了正義。於是佛告仁賢。諦聽善思念之。

đắc chí đạo trường hiểu liễu chánh nghĩa. u thị Phật cáo nhân hiền. đế
thính thiện tư niệm chi.

và được đến đạo tràng hiểu rõ nghĩa kinh? Đức Phật liền bảo vị Nhân
Hiền: Người hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ nghĩa lý của nó.

吾當為汝解說菩薩道場。於是仁賢。

ngô đương vi nhữ giải thuyết Bồ-tát đạo trường. u thị nhân hiền.

Ta sẽ vì người mà nói rõ đạo tràng của Bồ-tát. Lúc đó, vị Nhân Hiền

與諸大眾受教而聽。佛言。菩薩有四事。

dữ chư Đại chúng thọ giáo nhi thính. Phật ngôn. Bồ-tát hữu tứ sự.

cùng chư đại chúng nhận lời yên lặng lắng nghe. Phật dạy: Bồ-tát có bốn
việc,

住於道得至道場一曰心常習諸通慧。

trụ u đạo đắc chí đạo trường nhất viết tâm thường tập chư thông tuệ.

ở nơi đạo mà được đến đạo tràng: Một là, tâm thường luyện tập các thần
thông.

二曰不捨一切人。三曰求功德無有厭。

nhị viết bất xả nhất thiết nhân. tam viết cầu công đức vô hữu yếm.

Hai là, không bỏ quên tất cả mọi người. Ba là, mong cầu công đức không
có nhàm chán.

四曰護諸法常行精進。是為四。得至道場。

tứ viết hộ chư Pháp thường hành tinh tấn. thị vi tứ. đắc chí đạo
trường.

Bốn là, hộ trì các pháp, thường hành tinh tấn. Đó là bốn việc được đến
đạo tràng.

復有四清淨行得至道場。一曰護戒清淨。二曰意性清淨。

phục hữu tứ thanh tịnh hành đắc chí đạo trường. nhất viết hộ giới thanh
tịnh. nhị viết ý tánh thanh tịnh.

Lại nữa, có bốn hạnh thanh tịnh được đến đạo tràng: Một là, giữ giới
trong sạch. Hai là, tâm ý trong sạch.

三曰慧清淨。四曰所生清淨。是為四。復有四事法。

tam viết tuệ thanh tịnh. tứ viết sở sanh thanh tịnh. thị vi tứ. phục hữu
tứ sự Pháp.

Ba là, trí tuệ trong sạch. Bốn là, chỗ sanh trong sạch. Đó là bốn. Lại
có bốn pháp sự mà

弟子緣覺所不能及。一曰其行過於四禪。

đệ-tử duyên giác sở bất năng cập. nhất viết kỳ hành quá u tứ Thiền.
đệ tử duyên giác không thể sánh kịp: Một là, người đó đã đi qua Tứ
thiền.

二曰其心多所入。三曰行大哀於眾生。

nhị viết kỳ tâm đa sở nhập. tam viết hành Đại ai u chúng sanh.

Hai là, tâm người đó đã thâm nhập nhiều. Ba là, thực hành từ bi thương
xót chúng sanh.

四曰辯才之音若干種。是為四。復有四威儀行。

tứ viết biện tài chi âm nhược can chủng. thị vi tứ. phục hữu tứ uy nghi hành.

Bốn là, biện tài đầy đủ các loại âm thanh vô ngần. Đó là bốn. Lại có bốn oai nghi:

一曰樂於閑居遠離眾鬧。

nhất viết lạc ư nhàn cư viễn li chúng náo.

Một là, thích ở nơi thanh vắng, tránh xa chỗ ồn náo.

二曰往於彼行慈念眾生。三曰無諛諂邪行無所至到。

nhị viết vãng ư bỉ hành từ niệm chúng sanh. tam viết vô du siểm tà hành vô sở chí đáo.

Hai là, đến ở nơi chỗ kia mà thực hành hạnh từ bi, nhớ nghĩ đến chúng sanh. Ba là, không nịnh hót, đến chỗ tà hạnh.

四曰求於道行。是為四。復有四所問無礙無能斷截。

tứ viết cầu ư đạo hành. thị vi tứ. phục hữu tứ sở vấn vô ngại vô năng đoạn tiệt.

Bốn là, mong cầu học đạo và hành đạo. Đó là bốn. Lại có bốn chỗ hỏi vô ngại không thể cắt đứt.

一曰不惜身命。二曰心常歡悅。三曰棄貢高。

nhất viết bất tích thân mạng. nhị viết tâm thường hoan duyệt. tam viết khí cống cao.

Một là, không tiếc thân mạng. Hai là, tâm thường hoan hỷ vui vẻ. Ba là, dẹp bỏ cống cao ngã mạn.

四曰常奉行法。是為四。復有四事所行具足。

tứ viết thường phụng hành Pháp. thị vi tứ. phục hữu tứ sự sở hạnh cụ túc

Bốn là, thường phụng hành Phật pháp. Đó là bốn. Lại có bốn việc cần thực hành đầy đủ:

一曰常知時節。二曰隨人所喜而現教。

nhất viết thường tri thời tiết. nhị viết tùy nhân sở hỉ nhi hiện giáo.

Một là, thường biết tiết độ. Hai là, tùy chỗ vui của người mà nói rõ giáo pháp.

三曰常知羞慚。四曰知止足。是為四。

tam viết thường tri tu tâm. tứ viết tri chi túc. thị vi tứ.

Ba là thường biết hổ thẹn. Bốn là, biết đủ. Đó là bốn.

復有四事意行平等。一曰隨人所應而恭敬教授。

phục hữu tứ sự ý hành bình đẳng. nhất viết tùy nhân sở ứng nhi cung kính giáo thọ.

Lại có bốn việc tâm hành bình đẳng: Một là, tùy chỗ thích ứng của người mà cung kính dạy dỗ.

二曰所願大智慧所應教授。三曰不說他人長短。

nhị viết sở nguyện Đại trí tuệ sở ứng giáo thọ. tam viết bất thuyết tha nhân trường đoản.

Hai là, tùy theo trí tuệ mà tìm chỗ thích ứng để dạy dỗ. Ba là, không nói người khác dài ngắn.

四曰見說短者慈心向之不懷結怨。是為四。

tứ viết kiến thuyết đoản giả từ tâm hướng chi bất hoài kết oán. thị vi tứ.

Bốn là, gặp người nói lời không tốt không ôm lòng kết oán. Đó là bốn.

復有四事名德具足莫不聞知。

phục hữu tứ sự danh đức cụ túc mạc bất văn tri

Lại có bốn việc danh đức đầy đủ mà không thể không nghe biết:

一曰自學深慧并施教他人。二曰有來問事悉遣彼疑。

nhất viết tự học thâm tuệ tinh thí giáo tha nhân. nhị viết hữu lai vấn sự tất khiển bi nghi.

một là tự học sâu tuệ đều là bổ thí giáo người khác

Một là, tự học mà được trí tuệ sâu sắc và đem dạy cho người khác. Hai là, có người đến hỏi để dẹp đi những nghi ngờ kia.

三曰常護正法。四曰佛之智力而不可盡。

tam viết thường hộ chánh Pháp. tứ viết Phật chí ý lực nhi bất khả tận. Ba là, thường hộ trì chánh pháp. Bốn là, hiểu được oai lực của Phật.

是為四。復有四事博聞堅強。

thị vi tứ. phục hữu tứ sự bác văn kiên cường.

Đó là bốn. Lại có bốn việc, nghe rộng mà bền vững:

一曰聞法則解所歸。二曰所聞法樂不貪家懷居。

nhất viết văn Pháp tắc giải sở quy. nhị viết sở văn Pháp lạc bất tham gia hoài cư.

Một là, nghe pháp thời tỏ ngộ quay về. Hai là nghe pháp vui vẻ không vương bận gia đình.

三曰聞已廣宣咸為人說。

tam viết văn dĩ quảng tuyên hàm vi nhân thuyết.

Ba là, nghe xong đều vì người giảng thuyết rộng rãi.

四曰已聞起賢聖解說向佛道法是為四。復有四事。

tứ viết dĩ văn khởi hiền Thánh giải thuyết hướng Phật đạo Pháp thị vi tứ. phục hữu tứ sự.

Bốn là, nghe lời giải thuyết của bậc Hiền Thánh xong rồi hướng đến Phật Pháp. Đó là bốn. Lại có bốn việc,

講說經法名德流行。一曰先辦眾事後受以衛之食。

giảng thuyết Kinh Pháp danh đức lưu hành. nhất viết tiên辦 chúng sự hậu thọ dĩ vệ chi thực.

giảng thuyết kinh pháp, danh đức được bay xa : Một là, làm các việc phụng sự trước, sau rồi mới thọ nhận thức ăn.

二曰得利養衣被飯食床臥醫藥降伏魔力。

nhị viết đắc lợi dưỡng y bị phạn thực sàng ngọa y dược hàng phục ma lực.

Hai là, được lợi dưỡng y phục, cơm nước, sàng tọa, thuốc men để hàng phục ma lực.

三曰晝夜樂法為諸天所護。四曰不輕憍他人。

tam viết trú dạ lạc Pháp vi chư Thiên sở hộ. tứ viết bất khinh nhiều tha nhân.

Ba là, đêm ngày vui với pháp được chư thiên ủng hộ. Bốn là, không khi dễ người khác.

是為四。復有四事。光輝眾會身得自在。

thị vi tứ. phục hữu tứ sự. quang huy chúng hội thân đắc tự-tại.

Đó là bốn. Lại có bốn việc, thấy được ánh sáng của chúng hội thân được tự tại:

一曰少於所欲。二曰知止足。三曰微妙柔軟。

nhất viết thiếu ư sở dục. nhị viết tri chi túc. tam viết vi diệu nhu
nhuyễn.

Một là, ít tham muốn. Hai là, biết tri túc. Ba là, ôn hoà nhu nhuyễn.

四日身自奉法。是為四。復有四事。

tứ viết thân tự phụng Pháp. thị vi tứ. phục hữu tứ sự.

Bốn là, tự thân phụng trì Phật pháp. Đó là bốn. Lại có bốn việc,

得明慧利說法無異。一曰拔濟生死之懼。

đắc minh tuệ lợi thuyết Pháp vô dị. nhất viết bạt tế sanh tử chi cụ.
trí tuệ sáng suốt khéo thuyết pháp không sai khác: Một là, nhổ hết nỗi
lo sợ của sanh tử.

二曰不希求世供養之利。三曰常護他人。

nhị viết bất hi cầu thế cung dưỡng chi lợi. tam viết thường hộ tha
nhân.

Hai là, không mong cầu lợi dưỡng cúng dường của thế gian. Ba là, ủng hộ
người khác.

四曰常住道願。是為四。復有四事法。

tứ viết thường trụ đạo nguyện. thị vi tứ. phục hữu tứ sự Pháp.

Bốn là thường nguyện ở nơi đạo. Đó là bốn. Lại có bốn pháp sự,

有反復知報善惡。一曰勸化人使發道意。

hữu phản phục tri báo thiện ác. nhất viết khuyến hóa nhân sử phát đạo
ý.

phải biết nghiệp báo thiện ác: Một là khuyến hoá mọi người phát đạo
tâm,

二曰不失所成立之功。三曰自敬念迎當來慈。

nhị viết bất thất sở thành lập chi công. tam viết tự kính niệm nghêh
đương lai từ.

không để mất công đức mình đã lập. Ba là, tự mình cung kính nghêh đón
Từ Thị Di Lạc.

四曰常詣正士法師。是為四。復有四事。不壞慈。

tứ viết thường nghê chánh sĩ Pháp sư. thị vi tứ. phục hữu tứ sự. bất
hoại từ.

Bốn là, thường đến nơi ở của Bồ-tát pháp sư. Đó là bốn. Lại có bốn
việc, không phá hoại lòng từ:

一曰具足忍力。二曰不誘嬈他人眷屬。

nhất viết cụ túc nhẫn lực. nhị viết bất dụ nhiều tha nhân quyến chúc.

Một là, đầy đủ sức nhẫn nhục. Hai là, không dụ dỗ quyến thuộc người
khác.

三曰不捨大哀。四曰求脫罪福因緣志在于道。是為四。

tam viết bất xả Đại ai. tứ viết cầu thoát tội phúc nhân duyên chí tại
vu đạo. thị vi tứ.

Ba là, không quên lòng thương xót. Bốn là, mong cầu thoát khỏi nhân
duyên tội phúc chí thường ở nơi đạo. Đó là bốn.

復有四事。習於慈行。一曰常合和人。

phục hữu tứ sự. tập ư từ hành. nhất viết thường hợp hòa nhân.

Lại có bốn việc, tập hạnh từ bi: Một là, hòa đồng với mọi người

二曰性行柔順。三曰其行具足。

nhị viết tánh hành nhu thuận. tam viết kỳ hành cụ túc.

Hai là, tánh hạnh nhu thuận. Ba là, đầy đủ hạnh ấy.

四曰所有稍稍近道。是為四。復有四事知是惡師。

tứ viết sở hữu sảo sảo cận đạo. thị vi tứ. phục hữu tứ sự tri thị ác sư.

Bốn là, phải có chút chút gần đạo. Đó là bốn. Lại có bốn việc, biết là thầy ác:

一曰教人為小道。二曰教人壞菩薩意。

nhất viết giáo nhân vi tiểu đạo. nhị viết giáo nhân hoại Bồ-tát ý.

Một là, dạy người làm việc nhỏ mọn. Hai là dạy người phá hoại tâm Bồ-tát.

三曰教求名聞增益不善之法。四曰教遠離功德善法。

tam viết giáo cầu Danh-Văn-Tăng ích bất thiện chi Pháp. tứ viết giáo viễn li công đức thiện Pháp.

Ba là, dạy người cầu danh tiếng, tăng thêm pháp bất thiện. Ba là, dạy người tránh xa thiện pháp công đức.

是為四。復有四事。與世尊諸佛共會。

thị vi tứ. phục hữu tứ sự. dữ Thế Tôn chư Phật cộng hội.

Đó là bốn. Lại có bốn việc, cùng với chư Phật Thế Tôn tụ hội:

一曰常一其心。二曰常說諸佛世尊功德。

nhất viết thường nhất kỳ tâm. nhị viết thường thuyết chư Phật Thế Tôn công đức.

Một là, thường giữ tâm ấy. Hai là, ca ngợi công đức của chư Phật Thế Tôn.

三曰奉清淨之戒。四曰志性不捨本願。是為四。

tam viết phụng thanh tịnh chi giới. tứ viết chí tánh bất xả Bản

Nguyện. thị vi tứ.

Ba là, giữ giới trong sạch. Bốn là, tâm tánh không bỏ quên bản nguyện. Đó là bốn.

復有四事法。稱其德行。供養菩薩及如來尊。

phục hữu tứ sự Pháp. xưng kỳ đức hành. cung dưỡng Bồ-tát cập Như Lai tôn.

Lại có bốn pháp sự, ca ngợi đức hạnh của người, cúng dường tôn trọng Bồ-tát và Như Lai

不以懈倦。一曰所供養佛最尊眾祐。

bất dĩ giải quyện. nhất viết sở cung dưỡng Phật tối tôn chúng hữu.

không biết mệt mỏi: Một là, cúng dường Phật, tôn trọng các vị long thần hộ pháp.

二曰其有見我亦當效行。三曰見如來道意得堅固。

nhị viết kỳ hữu kiến ngã diệc đương hiệu hành. tam viết kiến Như Lai đạo ý đắc kiên cố.

Hai là, người ấy có thấy ta cũng phải nên học theo mà làm. Ba là, gặp Như Lai tâm đạo kiên cố.

四曰得見三十二大人之相其功德本。使成善權。

tứ viết đắc kiến tam thập nhị Đại nhân chi tướng kỳ công đức bản. sử thành thiện quyền.

Bốn là, thấy ba mươi hai tướng tốt của đức Phật và công đức của Ngài liền thành tựu thiện xảo.

是為四。復有四事。

thị vi tứ. phục hữu tứ sự.

Đó là bốn. Lại có bốn việc,

觀經義學菩薩戒行得至尊上。一曰過度惡道。二曰常勸立善道。

quán Kinh nghĩa học Bồ-tát giới hành đắc chí tôn thượng. nhất viết quá độ ác đạo. nhị viết thường khuyến lập thiện đạo.

quán sát nghĩa kinh, học giới Bồ-tát, chúng được bậc tối thượng. Một là, vượt thoát con đường ác. Hai là, thường lập con đường thiện.

三曰恭敬如來。四曰具足所願。是為四。

tam viết cung kính Như Lai. tứ viết cụ túc sở nguyện. thị vi tứ.

Ba là, cung kính Như Lai. Bốn là, đầy đủ nguyện lực. Đó là bốn.

復有四事學。一曰不捨道意。二曰等於一切。

phục hữu tứ sự học. nhất viết bất xả đạo ý. nhị viết đẳng ư nhất thiết.

Lại có bốn việc để học: Một là, không quên ý đạo. Hai là, bình đẳng đối với các pháp.

三曰求度無極。四曰護無數諸佛法使不斷絕。

tam viết cầu độ vô cực. tứ viết hộ vô số chư Phật Pháp sử bất đoạn tuyệt.

Ba là, cầu độ tất cả chúng sanh. Bốn là, hộ trì Phật pháp khiến cho không bị mai một.

是為四復有四事。行清淨戒一曰奉行少事。

thị vi tứ phục hữu tứ sự. hành thanh tịnh giới nhất viết phụng hành thiểu sự.

Đó là bốn. Lại có bốn việc thực hành giới trong sạch: Một là, làm những việc nhỏ.

二曰解了空行。三曰不犯邪見狐疑。

nhị viết giải liễu không hành. tam viết bất phạm tà kiến hồ nghi.

Hai là, giải rõ nghĩa không. Ba là, chẳng phạm những thấy biết sai lầm nghi ngờ.

四曰無猶豫心。是為四。復有四事。三昧種性。

tứ viết vô do dự tâm. thị vi tứ. phục hữu tứ sự. tam muội chủng tánh.

Bốn là tâm không do dự. Đó là bốn. Lại có bốn việc, Tam Muội chủng tánh:

一曰不習土地語言。二曰心清淨無著。

nhất viết bất tập độ địa ngữ ngôn. nhị viết tâm thanh tịnh Vô trú.

Một là, không tập nói lời địa phương. Hai là, tâm trong sạch không có đắm trước.

三曰成功德本。四曰稍近佛道。是為四。復有四事。

tam viết thành công đức bản. tứ viết sảo cận Phật đạo. thị vi tứ. phục hữu tứ sự.

Thành tựu công đức. Bốn là, gần gũi với Phật đạo. Đó là bốn. Lại có bốn việc

應清白行。一曰興諸善本。

ứng thanh bạch hành. nhất viết hưng chư thiện bản.

phải thanh bạch: Một là, khởi các tâm thiện.

二曰其心宴寂行無所著。三曰所見隨其脫門。

nhị viết kỳ tâm yến tịch hành vô sở trú. tam viết sở kiến tùy kỳ thoát môn.

Hai là giữ tâm ý cho vắng lặng, làm mà không đắm trước. Ba là, chỗ thấy tùy theo phương tiện mà thoát ra.

四曰寂定於道義。是為四。復有四事。棄瑕穢心。

tứ viết tịch định u đạo nghĩa. thị vi tứ. phục hữu tứ sự. khí hà uế tâm.

Bốn là, yên lặng ở nơi đạo. Đó là bốn. Lại có bốn việc dẹp bỏ tâm cấu uế:

一曰恐畏生死常專其行。

nhất viết khủng úy sanh tử thường chuyên kỳ hành.

Một là, lo sợ sanh tử, thường tinh chuyên dẹp trừ sự cấu uế đó.

二曰欲求解脫功德之本。三曰於安隱無所造立。四曰心無所起。

nhị viết dục cầu giải thoát công đức chi bản. tam viết u an ổn vô sở tạo lập. tứ viết tâm vô sở khởi.

Hai là, ham muốn cầu công đức giải thoát. Ba là, ở yên một chỗ không kiến tạo nơi khác. Bốn là, tâm không có vọng tưởng.

是為四。復有四事降伏其心。一曰以一人之故。

thị vi tứ. phục hữu tứ sự hàng phục kỳ tâm. nhất viết dĩ nhất nhân chi cố.

Đó là bốn. Lại có bốn việc hàng phục được tâm đó: Một là, vì một người mà

當來億百千數遊在生死。

đương lai ức bách thiên số du tại sanh tử.

tương lai ngàn trăm ức số kiếp luân hồi trong sanh tử.

二曰知一切人心所念。為斷塵勞隨其本願而為說法。

nhị viết tri nhất thiết nhân tâm sở niệm. vi đoạn trần lao tùy kỳ Bản Nguyện nhi vi thuyết Pháp.

Hai là, biết được tâm niệm của người khác, vì đoạn trần lao tùy theo mong cầu của họ mà vì họ thuyết pháp.

三曰悉棄捐諸不善法。

tam viết tất khí quyên chu bất thiện Pháp.

Ba là, dẹp bỏ các pháp bất thiện,

奉行眾善坐於道場降伏魔兵。逮得無上正真之道。

phụng hành chúng thiện tọa u đạo trường hàng phục ma binh. đãi đắc vô thượng chánh chân chi đạo.

vâng làm các pháp lành, ngồi ở nơi đạo tràng hàng phục chúng ma, đắc được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

四曰聲告三千大千世界為其說法。是為四。復有四事降伏魔怨。

tứ viết thanh cáo Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới vi kỳ thuyết Pháp. thị vi tứ. phục hữu tứ sự hàng phục ma oán.

Bốn là, nghe tiếng nói của Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, vì họ mà thuyết pháp. Đó là bốn. Lại có bốn việc để hàng phục ma oán:

一曰觀視幻法清淨之行。

nhất viết quán thị huyễn Pháp thanh tịnh chi hành.

Một là, nhìn thấy các pháp giả huyễn mà tu hành thanh tịnh.

二曰逮得不起法忍。三曰截斷諸無慧之事。

nhị viết đãi đắc bất khởi Pháp Nhẫn. tam viết tiệt đoạn chu vô tuệ chi sự.

Hai là, chúng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ba là, đoạn hẳn vô minh.

四曰已離生死奉修正行。是為四。復有四事思惟經義。

tứ viết dĩ ly sanh tử phụng tu chánh hành. thị vi tứ. phục hữu tứ sự tu duy Kinh nghĩa.

Bốn là, thoát ly sanh tử, hành trì chánh pháp. Đó là bốn. Lại có bốn việc để tu duy nghĩa kinh:

一曰因緣法起不為無緣。

nhất viết nhân duyên Pháp khởi bất vi vô duyên.

Một là, vì nhân duyên mà hỏi pháp không vì vô duyên.

二曰興立深法而無有人。三曰觀視空法而無所起。

nhị viết hưng lập thâm Pháp nhi vô hữu nhân. tam viết quán thị không Pháp nhi vô sở khởi.

Hai là, hỏi những pháp sâu xa mà chưa có người hỏi. Ba là, nhìn thấy những pháp không mà không chỗ khởi.

四曰自然無想悉為處寂。是為四。

tứ viết tự nhiên vô tưởng tất vi xử tịch. thị vi tứ.

Bốn là, tự nhiên, không có vọng tưởng, tâm thường vắng lặng. Đó là bốn.

復有四事心不捨菩薩法。一曰不捨本願。二曰忍於苦惱。

phục hữu tứ sự tâm bất xả Bồ-tát Pháp. nhất viết bất xả Bồ Nguyện. nhị viết nhẫn ư khổ não.

Lại có bốn việc tâm không bỏ pháp Bồ-tát: Một là, không bỏ bồ nguyện.

Hai là, kham nhẫn đối với khổ đau phiền não.

三曰不惜身命。四曰不捨四恩行。是為四。

tam viết bất tích thân mạng. tứ viết bất xả tứ ân hành. thị vi tứ.

Ba là, không tiếc thân mạng. Bốn là, không quên báo đáp bốn ân. Đó là bốn.

復有四事法開化人。一曰衣食布施應為說法。

phục hữu tứ sự Pháp khai hóa nhân. nhất viết y thực bố thí ứng vi thuyết Pháp.

Lại có bốn việc khai thị pháp để giáo hoá người: Một là, cho họ y phục, thức ăn vì họ mà thuyết pháp.

二曰數數勸使堅固。三曰自在安隱之業。

nhị viết số số khuyến sử kiên cố. tam viết tự-tại an ổn chi nghiệp.

Hai là, khuyên họ giữ tâm Bồ Đề kiên cố. Ba là, tự tại an ổn nơi nghiệp lực của mình.

四曰立他人善本。是為四。

tứ viết lập tha nhân thiện bản. thị vi tứ.

Bốn là, phải lập nền tảng tốt lành cho người khác. Đó là bốn.

復有四事安諦受法而攝奉行。一曰善本雖少心不輕念。

phục hữu tứ sự an để thọ Pháp nhi nhiếp phụng hành. nhất viết thiện bản tuy thiếu tâm bất khinh niệm.

Lại có bốn việc yên lặng lắng nghe thọ nhận pháp phụng trì mà tu hành:

Một là, việc thiện tuy nhỏ mà tâm không xem nhẹ.

二曰常奉行安隱行。三曰布施調意修善具足。

nhị viết thường phụng hành an ổn hành. tam viết bố thí điều ý tu thiện cụ túc.

Hai là, thường phụng trì an ổn để làm. Ba là, bố thí khéo léo đầy đủ vừa ý mọi người.

四曰奉承經義使一切歸趣安隱。是為四。

tứ viết phụng thừa Kinh nghĩa sử nhất thiết quy thú an ổn. thị vi tứ.

Bốn là, vâng theo kinh điển khiến cho tất cả chúng sanh đều trở về nơi an ổn. Đó là bốn.

復有四事得入道行。一曰逮得神通。二曰成就正慧。

phục hữu tứ sự đắc nhập đạo hành. nhất viết đãi đắc Thần thông. nhị viết thành tựu chánh tuệ.

Lại có bốn việc đi vào con đường đạo: Một là, đắc được thần thông. Hai là, thành tựu chánh tuệ.

三曰在大道心深入無量。

tam viết tại Đại Đạo tâm thâm nhập vô lượng.

Ba là, ở nơi đạo lớn, tâm thâm nhập không lường được.

四曰一切所造但習空行不著解脫。是為四。

tứ viết nhất thiết sở tạo đản tập không hành bất trú giải thoát. thị vi tứ.

Bốn là, tất cả những việc mà mình đã làm nhưng tập làm trong sự giải thoát không đằm trước. Đó là bốn.

復有四事奉修慈心。一曰救護幻化之人。

phục hữu tứ sự phụng tu từ tâm. nhất viết cứu hộ huyễn hóa chi nhân.

Lại có bốn pháp phụng trì từ tâm. Một là, cứu hộ sự giả dối nơi con người.

二曰常開導人使持法。三曰度脫幻者。四曰使得無為。是為四。

nhị viết thường khai đạo nhân sử Trì Pháp. tam viết độ thoát huyễn giả. tứ viết sử đắc vô vi. thị vi tứ.

Hai là, thường mở ra con đường dẫn dắt cho mọi người gìn giữ pháp. Ba là, độ thoát những người làm mê hoặc người, khiến cho họ đắc được vô vi.

復有四事奉修哀心。

phục hữu tứ sự phụng tu ai tâm.

Lại có bốn việc khởi tâm thương xót chúng sanh:

一曰為惡道故而作親友。使得入道而為興哀。

nhất viết vi ác đạo cố nhi tác thân hữu. sử đắc nhập đạo nhi vi hung ai.

Một là, vì ác đạo mà làm thân thích, khiến cho được vào được đạo mà khởi tâm thương xót.

二曰使離惡罪教令修善。三曰教求小道者勸發大乘。

nhị viết sử ly ác tội giáo lệnh tu thiện. tam viết giáo cầu tiểu đạo giả khuyến phát Đại thừa.

Hai là, khiến cho xa lìa tội ác, dạy cho họ tu phước thiện. Ba là, dùng dạy họ cầu đạo Tiểu thừa và khuyến khích họ phát tâm Đại thừa.

四曰設行哀者。為一切眾生而攝此哀。是為四。

tứ viết thiết hành ai giả. vi nhất thiết chúng sanh nhi nhiếp từ ai. thị vi tứ.

Bốn là, thương xót tất cả chúng sanh, vì tất cả chúng sanh gìn giữ tâm thương xót này. Đó là bốn.

復有四事行善權方便。

phục hữu tứ sự hành thiện quyền phương tiện.

Lại có bốn việc, khéo léo sử dụng phương tiện:

一曰一切心向道意在前。二曰不捨塵勞心。況善權方便心。

nhất viết nhất thiết tâm hướng đạo ý tại tiền. nhị viết bất xả trần lao tâm. huống thiện quyền phương tiện tâm.

Một là, hết thầy tâm đều hướng đến ở nơi đạo trước tiên. Hai là, tâm không quên gạn lọc những trần lao, khéo léo dùng tâm để sử dụng phương tiện.

三曰觀一切人及眾邪見悉為法器。

tam viết quán nhất thiết nhân cập chúng tà kiến tất vi Pháp khí.

Ba là, xem tất cả mọi người và những tà kiến đều là những pháp khí.

四曰見一切法悉為佛法。自然得最正覺。

tứ viết kiến nhất thiết Pháp tất vi Phật Pháp. tự nhiên đắc tối chánh giác.

Bốn là, thấy tất cả pháp đều là Phật pháp, tự nhiên đắc được chánh giác.

念行諸三昧逮得善解脫。是為四。復有四事逮神通行。

niệm hành chư tam muội đãi đắc thiện giải thoát. thị vi tứ. phục hữu tứ sự đãi Thần thông hành.

Nghĩ nhớ pháp thiền định tức được khéo giải thoát. Đó là bốn. Lại có bốn việc chứng đắc được thần thông:

一曰常輕其身及本淨意。

nhất viết thường khinh kỳ thân cập bản tịnh ý

Một là, thường xem nhẹ thân mình và tâm ý luôn thanh tịnh.

二曰輕心自然如幻。三曰所作唯造立法。

nhị viết khinh tâm tự nhiên như huyễn. tam viết sở tác duy tạo lập Pháp.

Hai là, xem nhẹ tâm mình giống như huyễn hoá. Ba là, đã làm gì cũng chỉ là lập pháp mà thôi.

四曰寂然一心而無憤亂。是為四。復有四事得分別法句。

tứ viết tịch nhiên nhất tâm nhi vô hội loạn. thị vi tứ. phục hữu tứ sự đắc phân biệt Pháp cú.

Bốn là, một bề vắng lặng mà tâm không dao động. Đó là bốn. Lại có bốn việc phân biệt được cú pháp:

一曰念成慧義不為嚴飾。

nhất viết niệm thành tuệ nghĩa bất vi nghiêm sức.

Một là, dùng trí tuệ tư duy hiểu nghĩa mà chẳng trau chuốt.

二曰唯求取法而不取人。不起無所滅。

nhị viết duy cầu thủ Pháp nhi bất thủ nhân. bất khởi vô sở diệt.

Hai là, chỉ nương pháp mà không nương người, không sanh mà cũng không diệt.

三曰知一切無盡不可盡。四曰所說於文字無著無縛。是為四。

tam viết tri nhất thiết vô tận bất khả tận. tứ viết sở thuyết ư văn tự Vô trú vô phục. thị vi tứ.

Ba là, biết hết tất cả và cũng không thể lượng. Bốn là, không chấp vào ngôn ngữ, văn tự. Đó là bốn.

復有四事逮得總持。一曰不厭博聞常敬法師。

phục hữu tứ sự đãi đắc tổng trì. nhất viết bất yếm bác văn thường kính Pháp sư.

Lại có bốn việc đắc được pháp tổng trì: Một là, Không nhàm chán sự học rộng, thường cung kính thầy dạy pháp.

二曰常行精進為人說經。

nhị viết thường hành tinh tấn vì nhân thuyết Kinh.

Hai là, thường hành tinh tấn vì người giảng kinh.

三曰曉近一切法句而不失義。四曰又使入如來之法。是為四。

tam viết hiểu cận nhất thiết Pháp cú nhi bất thất nghĩa. tứ viết hựu sử nhập Như Lai chi Pháp. thị vi tứ.

Ba là, hiểu gần tất cả cú pháp mà không đánh mất nghĩa. Ba là, khiến cho thâm nhập pháp của Như Lai. Đó là bốn.

復有四事逮得法忍。一曰度不度者。

phục hữ tứ sự đãi đắc Pháp nhẫn. nhất viết độ bất độ giả.

Lại có bốn việc đắc được pháp nhẫn: Một là, độ mà không thấy mình độ.

二曰解未脫者。三曰一切樂法。四曰不斷善行。

nhị viết giải vị thoát giả. tam viết nhất thiết lạc Pháp. tứ viết bất đoạn thiện hành.

Hai là, hiểu mà không thấy mình hiểu. Ba là, vui với tất cả pháp. Bốn là, làm tất cả việc lành.

是為四。復有四事逮得辯才。

thị vi tứ. phục hữ tứ sự đãi đắc biện tài.

Đó là bốn. Lại có bốn việc đắc được biện tài:

一曰見他法師所說不求其短。二曰聽採法義不以貢高。

nhất viết kiến tha Pháp sư sở thuyết bất cầu kỳ đoan. nhị viết thỉnh thái Pháp nghĩa bất dĩ cống cao.

Một là, thấy pháp sư khác thuyết mà không mong cầu thuyết ngắn gọn. Hai là nghe mà gạt hái được nghĩa lý của pháp mà không cống cao ngã mạn.

三曰不自稱譽。四曰見少智未學不以輕易。

tam viết bất tự xưng dự. tứ viết kiến thiểu trí vị học bất dĩ khinh dịch.

Ba là, không tự mình khen ngợi. Bốn là, thấy người hiểu biết kém nhưng không vì vậy mà khinh dễ.

是為四。復有四事行不退轉。

thị vi tứ. phục hữ tứ sự hành bất thối chuyển.

Đó là bốn. Lại có bốn việc làm mà không thối chuyển:

一曰不退於姪怒癡。二曰於眾生之行不退轉。

nhất viết bất thối ư dâm nộ si. nhị viết ư chúng sanh chi hành bất thối chuyển.

Một là, tâm không thối chuyển đối với sự sân hận si mê. Hai là đối với chúng sanh làm mà không thối chuyển.

三曰於一切不善法而不退轉。四曰解最正覺而不退轉。

tam viết ư nhất thiết bất thiện Pháp nhi bất thối chuyển. tứ viết giải tối chánh giác nhi bất thối chuyển.

Ba là, đối với tất cả pháp bất thiện mà tâm không thối chuyển. Bốn là, rõ được con đường chánh giác mà tâm không thối chuyển.

是為四。復有四事解深義。一曰曉十二因緣。

thị vi tứ. phục hữ tứ sự giải thâm nghĩa. nhất viết hiểu thập nhị nhân duyên.

Đó là bốn. Lại có bốn việc hiểu nghĩa sâu xa: Một là, hiểu Mười hai nhân duyên.

二曰自然解得佛道為正諦覺。

nhị viết tự nhiên giải đắc Phật đạo vi chánh đế giác。

Hai là, tự nhiên hiểu được Phật đạo mà giác ngộ chân lý.

三曰一切法一義其義悉空。四曰悉解佛道。是為四。

tam viết nhất thiết Pháp nhất nghĩa kỳ nghĩa tất không。 tứ viết tất giải Phật đạo。 thị vi tứ。

Ba là, hết thấy pháp đều một nghĩa, mà nghĩa đó đều không。 Bốn là, hiểu rõ Phật đạo。 Đó là bốn。

復有四事得成所願。一曰戒忍清淨。

phục hữu tứ sự đắc thành sở nguyện。 nhất viết giới nhẫn thanh tịnh。

Lại có bốn việc đắc thành sở nguyện: Một là, giữ giới thanh tịnh。

二曰淨除惡道。三曰質朴無有諛諂。

nhị viết tịnh trừ ác đạo。 tam viết chất phác vô hữu du siểm。

Hai là, trừ sạch ác đạo。 Ba là, chân thật không có nịnh hót。

四曰如善權方便隨其本行。是為四。

tứ viết như thiện quyền phương tiện tùy kỳ bản hành。 thị vi tứ。

Bốn là, đối với các việc thiện, khéo sử dụng phương tiện, tùy theo việc làm của họ。

復有四事得成諸度無極不退轉法。一曰以一波羅蜜悉入諸度無極。

phục hữu tứ sự đắc thành chư độ vô cực bất thối chuyển Pháp。 nhất viết dĩ nhất ba la mật tất nhập chư độ vô cực。

Lại có bốn việc thành đạt các Độ vô cùng chẳng thối chuyển: Một là, lấy một Độ Ba-la-mật để vào được tất cả Độ khác。

二曰善權使一切人皆入一切人亦無有。

nhị viết thiện quyền sử nhất thiết nhân giai nhập nhất thiết nhân diệc vô hữu。

Hai là, khéo léo sử dụng phương tiện, khiến cho tất cả mọi người đều sống hoà đồng với nhau không có chia rẽ。

三曰見一切法悉為一法離諸所欲。

tam viết kiến nhất thiết Pháp tất vi nhất Pháp ly chư sở dục。

Ba là, thấy tất cả pháp đều là một pháp, lìa hẳn sự tham muốn。

四曰見一切佛悉為一佛以法身故。是為四。

tứ viết kiến nhất thiết Phật tất vi nhất Phật dĩ Pháp thân cố。 thị vi tứ。

Bốn là, thấy tất cả đức Phật đều là một đức Phật vì tất cả đều là pháp thân。 Đó là bốn。

得成諸度無極不退轉法。佛說四事句時。

đắc thành chư độ vô cực bất thối chuyển Pháp。 Phật thuyết tứ sự cú thời。

Thành tựu các Độ vô cùng rồi, thời tâm không thối chuyển pháp。 Khi Phật nói bốn cú pháp xong,

幻士仁賢得不起法忍。歡喜踊躍在虛空。去地四丈九尺。

huyễn sĩ nhân hiền đắc bất khởi Pháp nhẫn。 hoan hỉ dũng dục tại hư không。 khứ địa tứ trượng cửu xích。

Huyễn sĩ Nhân Hiền đắc được Vô Sanh Pháp Nhẫn, vui mừng nhảy nhót ở trong hư không, đi trên mặt đất cao bốn trượng chín thước。

時佛見幻士仁賢心所念便笑。賢者阿難。

thời Phật kiến huyễn sĩ nhân hiền tâm sở niệm tiện tiếu. hiền giả A-nan.

Lúc ấy, Phật thấy được tâm của Huyễn sĩ Nhân Hiền suy nghĩ liền mỉm cười. Hiền giả A-nan,

以偈讚佛而問曰。

dĩ kệ tán Phật nhi vấn viết。

dùng bài kệ ca ngợi Phật mà hỏi rằng :

差特無量威

Sái đặc vô lượng uy

Đặc biệt vô lượng oai

三世悉聞名

Tam thế tất văn danh

Tiếng tăm dội ba đời

所知了三達

Sở tri liễu tam đạt

Trí rõ khắp muôn nơi

今佛何故笑

Kim Phật hà cố tiếu

Nay Phật sao lại cười

一切眾生類

Nhất thiết chúng sanh loại

Tất cả loại chúng sanh

已見諸人心

Dĩ kiến chư nhân tâm

Thấy tâm các người rồi

其於下中上

Kỳ ư hạ trung thượng

Bậc thượng trung hạ toạ

今佛所笑者

Kim Phật sở tiếu giả

Nay Phật sao lại cười

諸天聞其聲

chư Thiên văn kỳ thanh

Chư Thiên nghe tiếng ấy

帝釋阿須倫

Đế thích a tu luân

Đế Thích, A-tu-la

梵天亦如是

Phạm Thiên diệc như thị

Phạm Thiên cũng như thế

彼諸所有音

Bỉ chư sở hữu âm

Tiếng của các loài kia

月所出光明

Nguyệt sở xuất quang-minh

Mặt trăng phát ánh sáng

其帝釋光明

Kỳ đế thích quang-minh

Ánh sáng Đế Thích ấy

其明悉蔽歇

Kỳ minh tất tế hiết

Ánh sáng ấy lạng mất

慧事踰日月

Tuệ sự du nhật nguyệt

Tuệ soi vằng nhật nguyệt.

德稱度無極

Đức xưng độ vô cực

Đức ngợi độ vô số.

佛以逮自在

Phật dĩ đãi tự-tại

Phật thân luôn tự tại.

唯願為解說

Duy nguyện vi giải thuyết

Xin ngài nói cho con.

住立若所立

Trụ lập nhược sở lập

Trú lập hay sở lập.

人尊無所著

Nhân tôn vô sở trú

Người sẽ không đắm trước.

如是為悉淨

Như thị vi tất tịnh

Đều thanh tịnh như vậy.

唯願解說之

Duy nguyện giải thuyết chi

Xin nói rõ cho con.

真陀人亦然

chân đà nhân diệc nhiên

Chân Đà Nhân cũng vậy.

乾陀摩睺勒

Kiên đà ma hầu lặc

Càn-Đà, Ma-Hầu-Lặc,

其聲寂清淨

Kỳ thanh tịch thanh tịnh

Nghe tiếng vắng lặng yên.

終不與佛等

Chung bất dữ Phật đẳng

Cũng không bằng tiếng Phật

及日摩尼珠

Cập nhật Ma ni châu

Mặt trời chiếu Ma-ni.

一切光及梵

Nhất thiết quang cập phạm

Phạm Thiên cùng hết thảy

為盡不復現

Vi tận bất phục hiện

Không còn hiện ra nữa.

佛出光明時
Phật xuất quang-minh
Ánh sáng Phật phát ra
已解諸深法
Đã giải chư thâm Pháp
Giải rõ pháp sâu rộng
其無有吾我
Kỳ vô hữu ngô ngã
Không có ta và ta
不有亦不無
Bất hữu diệc bất vô
Chẳng có cũng chẳng không
尊皆令世吉
tôn giai lệnh thế cát
Thế gian được tốt lành
於此唯發心
Ư thử duy phát tâm
Phát tâm như thế ấy
今誰於佛道
Kim thùy ư Phật đạo
Nay ở nơi Phật đạo
所以得受身
Sở dĩ đắc thọ thân
Làm được thân này đây
善哉唯願說
Thiện tai duy nguyện thuyết
Lành thay! Xin nguyện nói
佛說義清淨
Phật thuyết nghĩa thanh tịnh
Phật thuyết thanh tịnh nghĩa
佛尊為安隱
Phật tôn vi an ổn
Phật thượng tôn an ổn
為異學故說
Vi dị học cố thuyết
Vì học khác nên nói
若為求佛者
Nhược vi cầu Phật giả
Nếu người cầu làm Phật
總持等無疑
Tổng trì đẳng vô nghi
Tổng trì pháp chớ nghi.
唯願為解說
Duy nguyện vi giải thuyết
Giải cho con được rõ.
此色佛光炎
Thử sắc Phật quang viêm
還來繞佛身
Hoàn lai nhiễu Phật thân
Trở về quanh thân Phật
爾時佛告賢者阿難。

悉照諸佛國
Thời tất chiếu chư Phật quốc
Chiếu khắp các cõi Phật.
靜然為空寂
Tĩnh nhiên vi không tịch
Tĩnh nhiên vi không tịch
Lặng yên tâm tịnh giác.
亦無有壽命
Diệc vô hữu thọ mạng
Thọ mạng đều là không.
悉損是二事
Tất tổn thị nhị sự
Đều mất hai việc ấy.
所遊如月光
sở du như nguyệt quang
Như ánh sáng mặt trăng.
立意遵妙道
Lập ý tuân diệu đạo
Đạo nhiệm mầu quyết theo.
安定住正法
An định trụ chánh Pháp
An định trụ chánh pháp.
歸命佛寶尊
Quy mạng Phật bảo tôn
Nhờ nương ngôi Tam Bảo
今日所笑意
Kim nhật sở tiểu ý
Nay Phật cười ý đó.
為諸弟子故
Vi chư đệ-tử cố
Vì đệ tử thân thương.
其光普日照
Kỳ quang phổ nhật chiếu
Ánh sáng chiếu mọi nơi.
辟支諸佛義
Tích chi chư Phật nghĩa
Nghĩa chư Phật, Bích-chi
志尊上妙法
Chí tôn thượng diệu Pháp
Chí tôn đạo nhiệm mầu
於是天中天
Ư thị Thiên trung Thiên
Cõi trời trung thiên kia
所應得佛道
Sở ứng đắc Phật đạo
Được chứng đạo nhiệm mầu
清淨滅垢穢
Thanh tịnh diệt cấu uế
Thanh tịnh diệt cấu uế
頂上沒不現
Đỉnh thượng một bất hiện
Trên đỉnh không không hiện.

Nhĩ thời Phật cáo hiền giả A-nan.

Lúc bấy giờ Phật bảo Hiền giả A-nan:

寧見幻士仁賢乎踊在虛空。對曰已見世尊。佛言阿難。

Ninh kiến huyền sĩ nhân hiền hồ dững tại hư không. đối viết dĩ kiến Thế Tôn. Phật ngôn A-nan.

Dầu ta thấy Huyền sĩ Nhân Hiền vui mừng nhảy nhót ở nơi hư không, đáp rằng đã thấy Thế Tôn. Phật nói với A-nan rằng:

族姓子仁賢。却後九萬二千劫當得作佛。

Tộc tính tử nhân hiền. khước hậu cửu vạn nhị thiên kiếp đương đắc tác Phật.

Dòng họ của Nhân Hiền về sau chín vạn hai ngàn kiếp sẽ được làm Phật.

名嚴淨王如來至真等正覺明行成為善逝世間解無上

Danh nghiêm tịnh Vương Như Lai chí chân đẳng chánh Giác minh hành thành vi thiện thế thể gian giải vô thượng

Tên là Nghiêm Tịnh Vương Như Lai, Chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng, Điều ngự, Trượng phu,

師號佛世尊。世界名曰大淨。

sĩ đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư hiệu Phật Thế Tôn. thế giới danh viết Đại tịnh.

Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Cõi đó tên là Đại Trang Nghiêm,

劫曰幻化。其嚴淨王如來大淨世界。

kiếp viết huyền hóa. kỳ nghiêm tịnh Vương Như Lai Đại tịnh thế giới.

kiếp tên là Huyền Hoá, thế giới Nghiêm Tịnh Vương Như Lai, cõi đó rất thanh tịnh,

人民眾多安隱快樂五穀豐賤。其土平博無有丘墟。

nhân dân chúng đa an ổn khoái lạc ngũ cốc phong tiện. kỳ độ bình bác vô hữu khâu khu.

dân chúng đông đủ, sống an ổn, vui vẻ, lúa, gạo, đậu, mè đầy đủ không thiếu thứ gì.

日月光照種種樹木皆以莊嚴。

nhật nguyệt quang chiếu chủng chủng thụ mộc giai dĩ trang nghiêm.

Ánh sáng của mặt trời mặt trăng chiếu khắp, các loại cây đều trang nghiêm thanh tịnh.

眾香具足常懸幢幡。其國人民如意所願。

chúng hương cụ túc thường huyền tràng phiên. kỳ quốc nhân dân như ý sở nguyện.

Đây đủ các loại hương thơm, thường treo các tràng phan. Nước ấy, dân chúng cầu gì đều được như ý,

皆見佛土嚴淨所有自然。譬如第二忉利天上七寶宮殿。

giai kiến Phật thổ nghiêm tịnh sở hữu tự nhiên. thí như đệ nhị đao lợi Thiên thượng thất bảo cung điện.

đều thấy đất thân Phật trang nghiêm, thanh tịnh, sở hữu tự nhiên, ví như cõi trời Đao Lợi thứ hai, có bảy thứ báu, cung điện.

其國人民皆見國土安雅。

kỳ quốc nhân dân giai kiến quốc thổ an nhã.

Nước ấy, dân chúng đều sống an vui thanh nhàn.

生彼佛國者皆求上願志於大乘。嚴淨王如來住世萬歲。

sinh bỉ Phật quốc giả giai cầu thượng nguyện chí ư Đại thừa. nghiêm tịnh Vương Như Lai trụ thế vạn tuế

Người sanh vào nước Phật kia, chí nguyện thường cầu ở nơi Đại thừa.
Nghiêm Tịnh Vương Như Lai trụ ở đời một vạn năm.

般泥洹後行法住億歲。

bát nê hoàn hậu hành Pháp trụ ức tuế。

Sau Phật nhập Niết Bàn chánh pháp trụ được một ức năm.

臨佛滅度有菩薩名曰聞稱。佛授其決。

lâm Phật diệt độ hữu Bồ-tát danh viết văn xung. Phật thụ kỳ quyết。

Lúc Phật diệt độ có Bồ-tát tên là Văn Xung được Phật thọ ký. 我滅度後是聞稱菩薩當得作佛。

ngã diệt độ hậu thị văn xung Bồ-tát đương đắc tác Phật。

Sau khi ta diệt độ Bồ-tát Văn Xung được thành Phật.

名曰普達如來至真等正覺明行成為善逝世間解無上士道法御天人師號佛世

danh viết phổ đạt Như Lai chí chân đẳng chánh Giác minh hành thành vi
thiện thế thế gian giải Vô-thượng-Sĩ đạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư hiệu
Phật thế

Tên là, Phổ Đạt Như Lai, Chánh đẳng Giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế
gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự, Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế
Tôn.

尊。時族姓子仁賢。

tôn。thời tộc tính tử nhân hiền。

Lúc ấy, dòng họ Nhân Hiền

從虛空下稽首佛足白佛言。佛是我師導御善道。唯世尊。

tòng hư không hạ kê thủ Phật túc bạch Phật ngôn。Phật thị ngã sư đạo
ngự thiện đạo。duy Thế Tôn。

từ trên hư không đi xuống cúi đầu lễ chân Phật và bạch Phật rằng: Đức
Phật là bậc đạo sư của con, ngài khéo điều phục con đường đạo. Cúi xin
Thế Tôn

我與無數億百千人。歸命等正覺及法比丘僧。

ngã dĩ vô số ức bách thiên nhân。quy mạng đẳng chánh giác cập Pháp bi
khâu Tăng。

vì con cùng vô số trăm ngàn ức người xin trở về nương tựa Phật, Pháp,
Tăng。

若如來本無。諸佛本無無異。其如者無壞。

nhược Như Lai bản vô。chư Phật bản vô vô dị。kỳ như giả vô hoại。

Nếu Như Lai vốn cũng không, chư Phật vốn không, không khác. Như vậy thì
không bị hư hoại,

如者無動。如者無想念。如者無所起。如者無行。

như giả vô động。như giả vô tưởng niệm。như giả vô sở khởi。như giả vô
hành。

không có dao động, không có vọng tưởng, không có sanh khởi, như thế là
vô hành,

如者無二。如來本無亦復如是。我因是成就。

như giả vô nhị。Như Lai bản vô diệc phục như thị。ngã nhân thị thành
tự。

như vậy không hai. Như Lai vốn không, cũng lại như thế, con nhờ đây mà
thành tựu。

於是賢者阿難。問族姓子仁賢。

ư thị hiền giả A-nan。vấn tộc tính tử nhân hiền。

Lúc đó, hiền giả A-nan hỏi dòng họ của Nhân Hiền。

於如來法為何所得。乃說如來本無。

ư Như Lai Pháp vi hà sở đắc. nãi thuyết Như Lai bản vô.

Đối với pháp của Như Lai các người đạt được gì, mà nói Như Lai vốn không, để

今卿遠離於本無事。答曰一切法皆棄離爾乃興如來法。

kim khanh viễn li ư bản vô sự. đáp viết nhất thiết Pháp giai khí ly nhĩ nãi hưng Như Lai Pháp.

bây giờ các người lìa xa sự có không? Đáp là: Tất cả các pháp đều là bỏ, cho đến cả pháp của Như Lai.

於阿難意云何。如來皆了本無致等正覺。

ư A-nan ý vân hà. Như Lai giai liễu bản vô trí đẳng chánh giác.

Ý A-nan như thế nào? Như Lai đều rõ các pháp vốn không, cho đến quả vị chánh giác cũng thế.

以故如來本無無壞者。我亦得之。

dĩ cố Như Lai bản vô vô hoại giả. ngã diệc đắc chi.

Vì thế cho nên Như Lai vốn không, thì không bị hư hoại, ta cũng đắc được pháp đó.

一切人亦逮本無。唯賢者意云何。如來法為有二乎。

nhất thiết nhân diệc đãi bản vô. duy hiền giả ý vân hà. Như Lai Pháp vi hữu nhị hồ.

Hết thấy mọi người cũng hiểu được các pháp vốn không, ý Hiền giả như thế nào? Pháp của Như Lai có hai không?

唯阿難法無二無二。有想者其識若干。

duy A-nan Pháp vô nhị vô nhị. hữu tưởng giả kỳ thức nhược can.

Bạch A-nan! Pháp của Như Lai vốn không hai. Người Hữu tưởng, thức đó vô ngần.

所以者何。捐捨眾想乃成佛慧。

sở dĩ giả hà. quyên xả chúng tưởng nãi thành Phật tuệ.

Tại sao như vậy? Xả bỏ các vọng tưởng mới có được trí tuệ của Phật.

爾時阿難白佛言。唯世尊。族姓子仁賢。

nhĩ thời A-nan bạch Phật ngôn. duy Thế Tôn. tộc tính tử nhân hiền.

Lúc bấy giờ, A-nan mới bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, dòng họ của Nhân Hiền,

寧當復持本所幻化。迷惑諸天人不耶。佛告阿難。於是仁賢。

nhinh đương phục trì bản sở huyễn hóa. mê hoặc chư Thiên nhân bất

da. Phật cáo A-nan. ư thị nhân hiền

thà vì chấp giữ gốc gác huyễn hoá của mình, mà mê hoặc chư thiên loài người được chăng? Phật bảo A-nan: Nhân Hiền

入法智慧之幻。所以者何。用明智辯才故也。

nhập Pháp trí tuệ chi huyễn. sở dĩ giả hà. dụng minh trí biện tài cố dã.

đã ở trong huyễn mà phát sanh trí tuệ. Tại sao như vậy? Vì dùng trí tuệ sáng suốt mà biện tài vậy.

時世尊告族姓子仁賢。

thời Thế Tôn cáo tộc tính tử nhân hiền.

Lúc đó, Thế Tôn bảo dòng họ Nhân Hiền rằng:

卿寧能化或諸天世人。對曰唯然。如佛所惑化。我亦如是。

khanh nhinh năng hóa hoặc chư Thiên thế nhân. đối viết duy nhiên. như

Phật sở hoặc hóa. ngã diệc như thị.

Các người đâu có thể biến hoá mê hoặc chư thiên loài người được? Đáp là: Đúng như vậy, như đức Phật cũng hoá hiện để cảm hoá, con cũng như vậy.

所以者何。解無我者是為大行。

sở dĩ giả hà. giải vô ngã giả thị vi Đại hành.

Tại sao như vậy? Hiểu được vô ngã chính là việc làm lớn lao, 號有人名無壽命。無有人而言有人。

hiệu hữu nhân danh vô thọ mạng. vô hữu nhân nhi ngôn hữu nhân. danh hiệu tên gọi của con người không có tồn tại, không có người và cũng không nói có người.

如來無字亦不處道場。何所法中有去沒去。

Như Lai vô tự diệt bất xử đạo trường. hà sở Pháp trung hữu khứ một khứ. Như Lai không có danh tự cũng không có nơi chốn đạo tràng. Tại sao trong các pháp có đến, có đi, có sanh, có diệt

而說法有去來教法。無般泥洹而現泥洹法。

nhi thuyết Pháp hữu khứ lai giáo Pháp. vô bát nê hoàn nhi hiện nê hoàn Pháp。

mà Như Lai nói pháp có đến đi, không có Niết Bàn mà hiện pháp Niết Bàn.

是故世尊說平等行。便能化惑諸天世人。

thị cố Thế Tôn thuyết bình đẳng hành. tiện năng hóa hoặc chư Thiên thế nhân。

Cho nên Thế Tôn hành pháp bình đẳng, khiến cho có thể cảm hoá được chư thiên và loài người.

為說如來功德平等。時佛讚族姓子仁賢。善哉善哉。仁賢。

vi thuyết Như Lai công đức bình đẳng. thời Phật tán tộc tính tử nhân hiền. Thiện tai Thiện tai. nhân hiền.

Đó là vì nói công đức của Như Lai bình đẳng. Lúc ấy, đức Phật tán thán dòng họ của Nhân Hiền. Lành thay! Lành thay! Nhân Hiền,

如卿所說。為大化惑說無音聲法。

như khanh sở thuyết. vi Đại hóa hoặc thuyết vô âm thanh Pháp。

như người đã nói, pháp là đại huyền hoá mê hoặc, không có âm thanh.

時仁賢從佛求出家。佛告彌勒菩薩。

thời nhân hiền tòng Phật cầu xuất gia. Phật cáo Di Lặc Bồ-tát。

Lúc đó, Nhân Hiền theo Phật xin xuất gia. Phật mới bảo Bồ-tát Di Lặc:

汝下幻士鬢髮令作沙門。彌勒受教。

nhữ hạ huyền sĩ tẩn phát lệnh tác Sa-môn. Di Lặc thọ giáo。

Người hãy xuống trần gian để cạo râu tóc cho vị Nhân Hiền để làm Sa-môn. Di Lặc vâng mệnh.

即使仁賢為出家志已還白佛言。唯然世尊。是非菩薩形貌色像。

túc sử nhân hiền vi xuất gia chí dĩ hoàn bạch Phật ngôn. duy nhiên Thế Tôn. thị phi Bồ-tát hình mạo sắc tượng。

Túc thì cho Nhân Hiền xuất gia, Di Lặc trở về bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, chẳng phải là hình tướng dung mạo Bồ-tát,

亦非沙門。所以者何。其有菩薩成諸通慧。

diệc phi Sa-môn. sở dĩ giả hà. kỳ hữu Bồ-tát thành chư thông tuệ。

cũng chẳng phải Sa-môn. Tại sao như vậy? Có những vị Bồ-tát thành tựu thần thông trí tuệ,

處於三界教化群生。是為菩薩出家也。

xử u tam giới giáo hóa quần sanh. thị vi Bồ-tát xuất gia đã.
ở nơi ba cõi giáo hoá chúng sanh, đó là Bồ-tát xuất gia vậy.

說是語時。五千人發無上正真道意。

thuyết thị ngữ thời. ngữ thiên nhân phát vô thượng chánh chân đạo ý.
Khi Bồ-tát Di Lặc nói lời ấy rồi, năm ngàn người phát tâm vô thượng
Chánh đẳng chánh giác.

二百比丘漏盡意解。

nhị bách bi khâu lậu tận ý giải。

Hai trăm Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

爾時賢者阿難。白佛言。

nhĩ thời hiền giả A-nan. bạch Phật ngôn。

Lúc bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch đức Phật rằng:

當何名斯經以何奉行之。

đương hà danh tư Kinh dĩ hà phụng hành chi。

Tên kinh này là gì? Chúng con phụng hành ra sao?

佛告阿難。是經名授幻士仁賢決。

Phật cáo A-nan. thị Kinh danh thụ huyễn sĩ nhân hiền quyết。

Phật dạy A-nan, kinh này ta quyết định lấy tên là Huyễn sĩ Nhân Hiền.

又名稍入至佛道。佛言阿難。其有菩薩欲得見佛。

hựu danh sảo nhập chí Phật đạo。Phật ngôn A-nan. kỳ hữu Bồ-tát dục đắc
kiến Phật。

Lại nữa, tên kinh này ít có người thâm nhập được Phật đạo. Phật nói với
A-nan rằng: Có nhiều Bồ-tát muốn đắc kiến Phật.

為一切故當受是經持誦誦讀。

vi nhất thiết cố đương thọ thị Kinh trì phúng tụng đọc。

Cho nên tất cả các người đều phải thọ trì đọc tụng,

當曠其志為他人說。所以者何。其於是法菩薩求道。

đương khoáng kỳ chí vi tha nhân thuyết。sở dĩ giả hà. kỳ u thị Pháp Bồ-
tát cầu đạo。

phải mở rộng tâm đó, vì người khác mà thuyết giảng. Tại sao như vậy? Vì
Bồ-tát cầu đạo ở nơi pháp đó.

是為大乘平等經法。以故是經名曰稍入道義。

thị vi Đại thừa bình đẳng Kinh Pháp. dĩ cố thị Kinh danh viết sảo nhập
đạo nghĩa。

Đó là, kinh pháp Đại thừa bình đẳng. Vì thế cho nên, tên kinh ít người
thâm nhập nghĩa lý.

佛告阿難。我以是經囑累汝。心念口誦執持經卷。

Phật cáo A-nan. ngã dĩ thị Kinh chúc lũy nhữ. tâm niệm khẩu phúng chấp
trì Kinh quyển。

Phật bảo A-nan: Ta đem kinh này phó chúc cho người, người nhớ phải
miệng đọc tâm suy giữ gìn đừng để lạc mất.

若聞奉行眾惡反趣。

nhược văn phụng hành chúng ác phản thú。

Nếu nghe mà hành trì thì ác ma sẽ chạy trốn.

當知其人曾見五百佛然後得佛道。時族姓子仁賢白佛言。

đương tri kỳ nhân tăng kiến ngũ bách Phật nhiên hậu đắc Phật đạo。thời
tộc tính tử nhân hiền bạch Phật ngôn。

Nên biết người đó từng thấy năm trăm đức Phật, sau đó được thành Phật đạo. Lúc đó dòng họ của Nhân Hiền bạch Phật rằng:

其受是經皆本功德。唯然世尊。我本亦學。

kỳ thọ thị Kinh giai bốn công đức. duy nhiên Thế Tôn. ngã bốn diệc học. Chúng con thọ nhận kinh này là nền tảng công đức. Thưa đức Thế Tôn, con cũng học.

所以者何。聞是經者。皆前善本善權。我心如是。

sở dĩ giả hà. văn thị Kinh giả. giai tiền thiện bốn thiện quyền. ngã tâm như thị.

Tại sao như vậy? Người nghe kinh này trước tiên xây dựng được nền tảng tốt lành sử dụng khéo léo phương tiện, tâm con cũng như vậy.

佛說經已。族姓子仁賢。比丘賢者阿難。

Phật thuyết Kinh dĩ. tộc tính tử nhân hiền. bi khâu hiền giả A-nan.

Phật nói kinh này xong, dòng họ Nhân Hiền, chú Tỷ-kheo, Hiền giả A-nan, 一切眾會。諸天龍神阿須倫世間人民。

nhất thiết chúng hội. chú Thiên long Thần a tu luân thế gian nhân dân. hết thầy chúng hội, Chú Thiên, Long Thần, A-tu-la và mọi người trong thế gian,

聞經歡喜稽首而退。

văn Kinh hoan hỷ kê thủ nhi thối.

nghe kinh này rồi vô cùng hoan hỷ đánh lễ mà lui ra.

佛說幻士仁賢經

Phật thuyết huyền sĩ nhân hiền Kinh

Phật Thuyết Kinh Huyền Sĩ Nhân Hiền.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và
Lược Dịch Sun Apr 30 21:48:23 2006

=====